



Trung tâm Con người và Thiên nhiên Khu Bảo tồn Thiên nhiên Hang Kia-Pà Cò

**Biến đổi văn hóa và phát triển:
KHẢO CỨU BAN ĐẦU Ở CỘNG ĐỒNG NGƯỜI MÔNG
TẠI HÒA BÌNH**



Nguyễn Thị Hằng (Tập đoàn HanoiTC)
Phan Đức Nam (Viện Xã hội học)
Bùi Ngọc Hà (Tập đoàn HanoiTC)
Đỗ Việt Thắng (Tập đoàn HanoiTC)

HÀ NỘI, THÁNG 5/2009

Báo cáo được thực hiện trong khuôn khổ Dự án ***Thí điểm tiếp cận thị trường tổng hợp nhằm hỗ trợ công tác bảo tồn thiên nhiên: Nâng cao đời sống cộng đồng vùng đệm để giảm thiểu tác động lên tài nguyên tại Khu bảo tồn thiên nhiên Hang Kia – Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình***, do Trung tâm Con người và Thiên nhiên thực hiện. Dự án này được tài trợ bởi Quỹ Blue Moon. Tất cả những quan điểm được trình bày trong báo cáo này là ý kiến chủ quan của tác giả mà không có sự tác động của bất cứ tổ chức nào ở trên.

Các bản đồ trong tài liệu này được sử dụng với mục đích minh họa và có thể không phản ánh chính xác tuyệt đối ranh giới địa lý và hành chính trên thực tế. Việc sử dụng các bản đồ này không hàm ý sự ủng hộ hoặc phản đối của các tác giả cũng như Trung tâm Con người và Thiên nhiên đối với vấn đề phân định ranh giới đất nước, vùng lãnh thổ hoặc địa phương nhất định.

Bản quyền thuộc Trung tâm Con người và Thiên nhiên. Xuất bản năm 2009.

Trích dẫn: **Nguyễn Thị Hằng, Phan Đức Nam, Bùi Ngọc Hà, Đỗ Việt Thắng**, (2009). *Biến đổi văn hóa và phát triển: Khảo cứu ban đầu cộng đồng người Mông tại Hòa Bình*. Dự án Thí điểm tiếp cận thị trường tổng hợp nhằm hỗ trợ công tác bảo tồn thiên nhiên: Nâng cao đời sống cộng đồng vùng đệm để giảm thiểu tác động lên tài nguyên tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Hang Kia – Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình. Trung tâm Con người và Thiên nhiên, Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo có tại: TRUNG TÂM CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN
Số 3, Ngách 55, Ngõ 61, Trần Duy Hưng, Hà Nội
Hòm thư 612, Bưu điện Hà Nội
Tel: (04) 3556-4001 Fax (04) 3556-8941
Email: contact@nature.org.vn
Website: <http://www.nature.org.vn>

Ảnh bìa: Sầm Thị Thanh Phương

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| Lời nói đầu..... | 1 |
| Lời cảm ơn..... | 2 |
| Phần I: Giới thiệu chung | 3 |
| Phần II: Người Mông ở Việt Nam và ở Hòa Bình..... | 5 |
| Phần III. Bản sắc văn hóa và biến đổi giá trị văn hóa | 8 |
| Phần IV. Nguyên nhân biến đổi văn hóa và thách thức | 30 |
| Phần V. Giải pháp bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc | 33 |
| Kết luận..... | 36 |
| Tài liệu tham khảo | 38 |

DANH MỤC CÁC HÌNH

| | |
|--|----|
| Hình 1: Bản đồ hai xã Hang Kia-Pà Cò..... | 6 |
| Hình 2: Phụ nữ Mông đang thêu thổ cẩm tại xã Pà Cò | 11 |
| Hình 3: Phụ nữ Mông mua váy áo tại chợ Pà Cò..... | 12 |
| Hình 4: Dụng cụ làm giấy của người Mông..... | 13 |
| Hình 5: Chiếc bếp đặt giữa nhà của một gia đình người Mông | 15 |
| Hình 6: Bàn thờ của người Mông..... | 22 |
| Hình 7: Em nhỏ 16 tuổi đang địu con | 27 |

DANH MỤC CÁC BẢNG

| | |
|--|----|
| Bảng 1: Các thông tin Kinh tế - xã hội cơ bản của 02 xã Hang Kia – Pà Cò | 7 |
| Bảng 2: Tỷ lệ sử dụng các công cụ sản xuất | 11 |
| Bảng 3: Số thế hệ cùng sống trong hộ gia đình..... | 19 |
| Bảng 4: Phạm vi không gian kết hôn của người Mông | 28 |

Lời nói đầu

Văn hóa của mỗi cộng đồng có ảnh hưởng rất lớn đến hành vi, ứng xử của mỗi cá nhân trong xã hội và đối với thiên nhiên. Trong quá trình vận động phát triển của loài người, văn hóa biến động và thay đổi không ngừng. Có nhiều giá trị cũ được thay bằng các giá trị mới. Nhưng cũng có những giá trị tồn tại và phát triển lâu dài cùng thời gian và tạo nên bản sắc của mỗi cộng đồng, mỗi dân tộc, mỗi quốc gia.

Là một tổ chức hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên, Trung tâm Con người và Thiên nhiên quan tâm đến hành vi và cách ứng xử của các cá nhân và cộng đồng đối với môi trường, tài nguyên thiên nhiên mà họ sinh sống. Quá trình tiếp nhận, thích ứng và thay đổi văn hóa của mỗi cộng đồng có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc tìm ra giải pháp thích hợp để bảo vệ và giữ gìn nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Báo cáo nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ dự án “Thí điểm tiếp cận thị trường tổng hợp nhằm hỗ trợ công tác bảo tồn thiên nhiên: Nâng cao đời sống cộng đồng vùng đệm để giảm thiểu tác động lên tài nguyên thiên nhiên tại Khu bảo tồn thiên nhiên Hang Kia Pà Cò, tỉnh Hòa Bình” do Trung tâm Con người và Thiên nhiên thực hiện với sự tài trợ của Quỹ Blue Moon (Hoa Kỳ).

Trung tâm Con người và Thiên nhiên xin chân thành cảm ơn các tác giả và những người đã tham gia vào nghiên cứu này. Hy vọng, những phát hiện và đánh giá từ nghiên cứu nhỏ này sẽ tăng cường thêm hiểu biết chung về thay đổi văn hóa, những tác động lên quá trình phát triển, cũng như ứng xử của cộng đồng người Mông đối với thiên nhiên.

Trung tâm Con người và Thiên nhiên

Lời cảm ơn

Báo cáo nghiên cứu này được hoàn thành với sự giúp đỡ và đóng góp của rất nhiều người.

Trước tiên, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn tới các thành viên trong nhóm nghiên cứu gồm ông Phan Đức Nam (chuyên gia xã hội học) và ông Bùi Ngọc Hà (cán bộ nghiên cứu), ông Đỗ Việt Thắng (cán bộ nghiên cứu) đã hỗ trợ chúng tôi hoàn thành chương trình nghiên cứu. Bản thảo báo cáo này đã nhận được ý kiến đóng góp quý báu của bà Sầm Thị Thanh Phương.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Trung tâm Con người và Thiên nhiên, Ban Quản lý Khu Bảo tồn Thiên nhiên Hang Kia-Pà Cò, UBND xã Hang Kia và xã Pà Cò đã giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác nghiên cứu trên hiện trường. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn cá nhân ông Nguyễn Mạnh Dân (Trưởng ban quản lý Khu BTTN Hang Kia - Pà Cò), bà Vũ Phương Thủy, bà Sầm Thị Thanh Phương, ông Nguyễn Thanh Tuấn, ông Vũ Quốc Hưng, ông Hà Công Liêm đã tham gia và hỗ trợ chúng tôi rất nhiều trong quá trình nghiên cứu thực địa.

Chúng tôi đặc biệt gửi lời cảm ơn sâu sắc tới anh Vàng A Pủa và toàn thể gia đình đã nhiệt tình giúp đỡ, tạo mọi điều kiện thuận lợi về ăn ở, sinh hoạt trong thời gian đoàn thực hiện nghiên cứu tại địa bàn. Xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc tới toàn thể bà con dân tộc Mông ở hai xã Hang Kia và Pà Cò đã dành nhiều thời gian chia sẻ thông tin và giúp đỡ đoàn trong quá trình nghiên cứu.

Chương trình nghiên cứu này sẽ không thể thực hiện được nếu không có sự hỗ trợ về mặt tài chính của Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature).

Thay mặt nhóm nghiên cứu
Th.S. Nguyễn Thị Hằng
Trưởng nhóm Nghiên cứu

Phần I: Giới thiệu chung

Dưới sự tác động của nền kinh tế thị trường và sự tăng cường giao lưu hội nhập giữa các vùng miền, nền văn hóa của các dân tộc thiểu số đã có những biến đổi mạnh mẽ. Một mặt là sự tiếp thu những nét đặc sắc, độc đáo của các nền văn hóa khác làm phong phú thêm bản sắc văn hóa dân tộc mình, mặt khác, đã có những biểu hiện của sự mất dần bản sắc truyền thống. Vì vậy, việc nghiên cứu sự biến đổi văn hóa các dân tộc thiểu số có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm đưa ra các giải pháp bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của từng dân tộc.

Dân tộc Mông¹ được coi là thành phần quan trọng trong cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, với dân số khoảng hơn 80 vạn người phân bố ở nhiều tỉnh thành, nhưng tập trung nhiều nhất ở khu vực miền Bắc Việt Nam, trong đó có xã Pà Cò và Hang Kia là hai xã vùng cao nằm trong vùng lõi của Khu Bảo tồn thiên nhiên Hang Kia- Pà Cò, thuộc huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình. Đây là hai xã duy nhất có cộng đồng người dân tộc người Mông sinh sống, với dân số khoảng 5000 người. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển kinh tế- xã hội, nền văn hóa của cộng đồng dân tộc Mông ở đây cũng đang đứng trước những nguy cơ mai một, mất dần đi bản sắc truyền thống. Rõ ràng, đây là một vấn đề cấp bách cần phải được nghiên cứu và đề xuất các giải pháp bảo tồn bản sắc văn hoá hiệu quả.

Các nghiên cứu về văn hóa tộc người ở Việt Nam từ những năm đầu thế kỷ 20 đến nay, trải qua gần 100 năm, đã có rất nhiều các nghiên cứu được thực hiện. Tuy nhiên, do mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau, cách tiếp cận khác nhau, do yêu cầu đương đại, những nghiên cứu đó cho đến nay đã không thể thỏa mãn hết những hiểu biết về sự vận động không ngừng của các nền văn hóa từng tộc người riêng lẻ. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, với sự giao lưu hội nhập mạnh mẽ giữa các nền văn hóa, kinh tế-xã hội, đã khiến cho văn hóa tộc người có những biến đổi mạnh mẽ.

Nghiên cứu này được thực hiện với mong muốn cung cấp những hiểu biết về khía cạnh biến đổi văn hóa nhằm phục vụ cho các hoạt động giáo dục, du lịch cộng đồng, các hoạt động bảo tồn thiên nhiên, và tiếp thị sản phẩm địa phương. Kết quả nghiên cứu cũng nhằm cung cấp cho chính quyền địa phương và các bên quan tâm các dữ liệu và thông tin để có thể nghiên cứu sâu hơn, cũng như tính đến các khía cạnh văn hóa trong khi đưa ra các chủ trương và chính sách, từ đó góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mông.

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm tìm hiểu thực trạng biến đổi văn hóa cộng đồng người Mông ở hai xã Hang Kia và Pà Cò, biểu hiện trên một số lĩnh vực văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Nhóm nghiên cứu cũng phân tích nguyên nhân tạo nên sự biến đổi văn hóa Mông trong quan hệ với quá trình tăng trưởng kinh tế, các chính sách xã hội và các chính sách văn hóa, giáo dục. Từ đó, một số giải pháp ban đầu để bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc Mông cũng được đề xuất và thảo luận.

Đối tượng nghiên cứu là các giá trị văn hóa của cộng đồng người Mông ở hai xã Hang Kia và Pà Cò.

Phạm vi nghiên cứu bao gồm những thành tố căn bản cấu thành bản sắc văn hóa dân tộc Mông, bao gồm tập quán và công cụ sản xuất; quan hệ gia đình, dòng họ; và tập quán tín ngưỡng, lễ hội, ma chay, cưới xin.

¹ Theo cách gọi trong Danh mục các dân tộc của Tổng Cục thống kê năm 1979

Cách tiếp cận nghiên cứu là tiếp cận toàn thể (holistic) dựa trên các kỹ thuật nghiên cứu có tính liên ngành sẽ hữu ích cho việc phát hiện thực trạng và hệ nguyên nhân biến đổi văn hoá cộng đồng. Cụ thể là nội dung của nghiên cứu liên quan trực tiếp đến các chuyên ngành nhân học, xã hội học, văn hoá học.

Các lý thuyết và phương pháp khoa học xã hội và xã hội học sẽ có tác dụng trong việc phát hiện các quy luật xã hội tác động đến sự tồn tại và biến đổi văn hoá cộng đồng người Mông trên địa bàn nghiên cứu.

Sự phối hợp liên ngành có tác dụng bổ sung và hỗ trợ cho nhau trên cả phương diện phương pháp lẫn lý thuyết nhằm đạt được hiệu quả cao trong việc thực hiện các mục tiêu của đề tài.

Phương pháp nghiên cứu bao gồm:

- Phương pháp nghiên cứu xã hội học bằng phỏng vấn bảng hỏi, phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm.
- Phương pháp nghiên cứu nhân học: Kế thừa những tài liệu nhân học đã công bố, kết hợp điền dã nhân học để miêu tả, dựng lại bức tranh văn hóa truyền thống cộng đồng người Mông ở Hang Kia-Pà Cò.
- Phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp

Cơ cấu mẫu của nghiên cứu này bao gồm 200 bảng hỏi (mỗi xã 100 bảng hỏi chia theo cơ cấu giới tính và độ tuổi), 20 cuộc phỏng vấn sâu (mỗi xã 10 cuộc phỏng vấn sâu) với các nhóm đối tượng người già, trung niên và thanh niên nhằm có được sự so sánh biến đổi văn hóa qua các thế hệ, 06 cuộc thảo luận nhóm (mỗi xã 03 cuộc thảo luận nhóm cho 03 nhóm đối tượng người già, trung niên và thanh niên).

Phần II: Người Mông ở Việt Nam và ở Hòa Bình

2.1. Người Mông ở Việt Nam

Dân tộc Mông được coi là một thành viên quan trọng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Với số dân ước tính hơn 80 vạn người dân tộc Mông có số lượng cư dân đứng hàng thứ 8 trong bảng danh sách các dân tộc ở Việt Nam². Hầu hết địa bàn sinh sống của người Mông là vùng cao biên giới, có núi non hiểm trở, khí hậu thuận lợi cho việc phát triển một số loại cây đặc sản, chăn nuôi gia súc, nhưng ít đất nông nghiệp. Người Mông cư trú ở các tỉnh miền núi phía Bắc dọc theo biên giới Việt - Trung và Việt - Lào từ Lạng Sơn đến Nghệ An, trong đó tập trung chủ yếu ở các tỉnh thuộc Đông và Tây Bắc Việt Nam như Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Sơn La.

Theo tài liệu³ người Mông là tộc người di cư vào Việt Nam từ Trung Quốc qua nhiều đợt. Đợt thiên di lớn nhất của người Mông là sau thất bại của phong trào nông dân “Thái bình Thiên quốc” (1872) mà có nhiều người Mông tham gia chống lại triều đình Mãn Thanh. Người Mông gọi dân tộc mình là Mông, có nghĩa là người. Các dân tộc khác gọi dân tộc Mông là Mèo, Miêu, Mẹo, Mán trắng. Căn cứ vào đặc điểm về dân tộc học và ngôn ngữ học, tộc Mông có thể được chia thành 4 nhóm: Mông Trắng (Mông Đơ), Mông Hoa (Mông Lênh, Mông Sí), Mông Đen (Mông Đu), Mông Xanh (Mông Súa). Các nhóm này phân biệt với nhau ở tiếng nói, một số phong tục và trang phục nữ.

2.2. Người Mông ở Hòa Bình

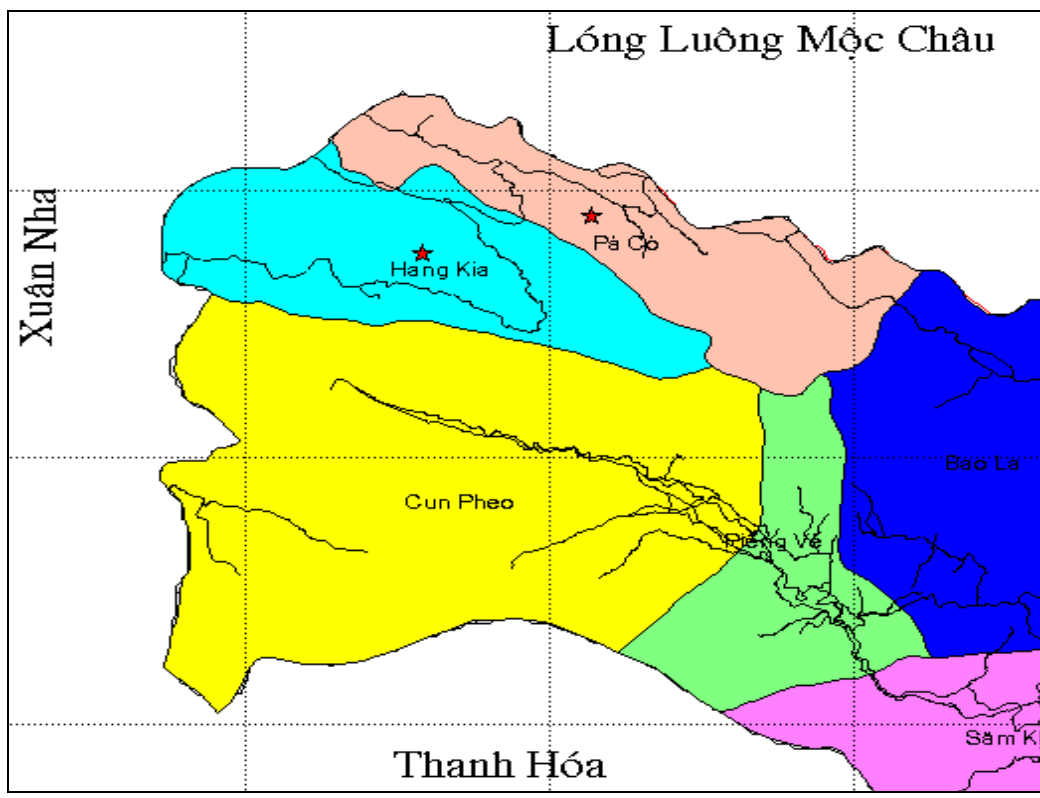
Người Mông ở Hòa Bình chủ yếu sinh sống tại hai xã Hang Kia và Pà Cò, huyện Mai Châu. Tên của hai xã này được sử dụng để đặt tên cho Khu bảo tồn thiên nhiên Hang Kia – Pà Cò. Đây là hai xã vùng cao nằm ở phía Tây thuộc huyện Mai Châu của tỉnh Hòa Bình. Ở xã Pà Cò chủ yếu là người Mông Xanh sinh sống. Trong khi đó ở Hang Kia là nhóm người Mông Lênh.

Huyện Mai Châu. Phía Bắc Mai Châu giáp huyện Đà Bắc, phía Đông giáp huyện Tân Lạc (tỉnh Hòa Bình), phía Tây giáp huyện Mộc Châu (tỉnh Sơn La), phía Nam giáp tỉnh Thanh Hóa. Theo số liệu thống kê, huyện Mai Châu gồm 01 thị trấn và 21 xã với tổng diện tích đất tự nhiên 564,54 km², trong đó diện tích đất nông nghiệp chiếm 9,71%, diện tích đất lâm nghiệp chiếm 68,46%, đất chuyên dùng và đất chưa sử dụng chiếm 21,83%; Dân số toàn huyện là 55,663 người (chiếm 6,9% dân số toàn tỉnh), trong đó, người Thái chiếm 60,2%, dân tộc Mông chiếm 15,07%, người Kinh chiếm 15,56%, người Mông chiếm 9,3%, người Dao chiếm 2,06%, còn lại là các dân tộc khác chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Dân số trong độ tuổi lao động chiếm 54,34%, chủ yếu là lao động nông nghiệp⁴.

² Vũ Quốc Khánh, 2005.

³ Hoàng Xuân Lương, 2000

⁴ Ủy ban Nhân dân huyện Mai Châu, 2009



Hình 1: Bản đồ xã Hang Kia – Pà Cò

Vị trí địa lý: phía Bắc và phía Tây của Hang Kia-Pà Cò giáp các xã Loóng Luông, Xuân Nha của huyện Mộc Châu (Sơn La), phía Nam và đông giáp xã Tân Sơn và Bao La của huyện Mai Châu.

Khí hậu: Hang Kia-Pà Cò thuộc vùng khí hậu ôn đới có hai mùa rõ rệt: Mùa đông thường bắt đầu từ tháng 10 đến tháng 2, nhiệt độ trung bình từ 5-10⁰C, nhiều khi xuống tới 0⁰C. Thời gian rét và khô hạn kéo dài thường từ tháng 9 đến tháng 4 năm sau, dẫn đến tình trạng thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất. Mùa hè thường bắt đầu từ tháng 3 đến tháng 9 và có mưa nhiều, nhiệt độ trung bình từ 15-25⁰C.

Với đặc điểm địa hình núi đá vôi và không có con sông nào chảy qua, nguồn nước ở Hang Kia - Pà Cò trở nên rất khan hiếm. Trước đây, vào mùa khô, thiếu nước, phụ nữ Mông thường phải đi lấy nước trong các khe núi, cách nhà khoảng 6-7km. Từ năm 1993, nhà nước đầu tư xây dựng bể nước với hệ thống dẫn nước tự chảy, cùng với việc triển khai chương trình 135, người dân ở Hang Kia - Pà Cò đã khắc phục được phần nào tình trạng thiếu nước sinh hoạt. Tuy nhiên, việc khắc phục tình trạng này ở đây vẫn là một bài toán nan giải.

Điều kiện kinh tế - xã hội: Với dân số 5.170, chiếm 9,3% dân số toàn huyện, đồng bào Mông cư trú tập trung ở hai xã Hang Kia, Pà Cò và chiếm 99,09% tổng số người Mông trong toàn tỉnh. Tại hai địa bàn này, từ xa xưa đã hình thành hai nhóm Mông chính: Mông Đen sinh sống tại xã Pà Cò và Mông Hoa sinh sống tại xã Hang Kia. Việc phân biệt các nhóm Mông này chủ yếu dựa vào trang phục và ngôn ngữ của họ.

Bảng 1: Các thông tin Kinh tế - xã hội cơ bản của 02 xã Hang Kia – Pà Cò (Nguồn: Số liệu thống kê, UBND xã Hang Kia-Pà Cò-2008)

| | Xã Pà Cò | Xã Hang Kia |
|---|------------|-------------|
| Tổng thu nhập (GDP) (triệu đồng) | 964 | 1,104 |
| Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng) | 4,5 | 4,0 |
| Số hộ | 461 | 522 |
| Số khẩu | 2.410 | 2.760 |
| Thành phần dân tộc | Mông: 100% | Mông: 100% |
| Tốc độ gia tăng dân số (%) | 1,57 | 2,3% |
| Tỷ lệ hộ nghèo (%) | 37 | 30 |
| Tỷ lệ phổ cập giáo dục (%) | 70 | 70 |
| Tỷ lệ trẻ em đi học hiện nay (%) | 95 | 95 |

Về hoạt động kinh tế: nông-lâm nghiệp giữ vai trò chủ đạo trong thu nhập của người dân, 100% các hộ làm nông nghiệp, nông-lâm hoặc nông-lâm-tiểu thủ công kết hợp (chăn nuôi, dệt thổ cẩm hoặc sản xuất giấy bản). Các loại cây trồng chính gồm ngô, lúa, lanh, bông, rau cải, rong riềng... Các vật nuôi gồm lợn, gà, trâu, bò,... Tuy nhiên, những hoạt động sản xuất này vẫn còn mang nặng tính tự cung tự cấp và phụ thuộc phần lớn vào thiên nhiên.

Những năm gần đây, được sự quan tâm của Đảng, nhà nước và các tổ chức cơ quan ban ngành, đời sống đồng bào Mông đã có những cải thiện rõ rệt, thu nhập bình quân đầu người tăng và tỷ lệ hộ nghèo giảm (tính đến 2008, xã Pà Cò còn 37% hộ nghèo và Hang Kia 30% hộ nghèo) (xem Bảng 1).

Về giáo dục: Trình độ dân trí của đồng bào Mông còn rất thấp, mặc dù tỷ lệ phổ cập giáo dục đạt 70% theo con số thống kê của UBND xã Hang Kia - Pà Cò, nhưng qua nghiên cứu cho thấy nhiều người Mông tái mù chữ sau phổ cập, đặc biệt là phụ nữ. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt 95% (xem Bảng 1) nhưng hầu hết các em chỉ đi học đủ để biết chữ, bỏ học đã trở thành vấn nạn phổ biến và đặc biệt là các em gái. Trình độ học vấn thấp là một trong những cản trở lớn tạo thành vòng luẩn quẩn nghèo đói, lạc hậu đối với đồng bào Mông nơi đây.

Về y tế, văn hóa, xã hội: đã có nhiều biến chuyển trong những năm gần đây. Tốc độ gia tăng dân số tự nhiên có giảm (tính đến năm 2009, xã Pà Cò là 1,57%, xã Hang Kia là 2,3%) (xem Bảng 1). Tuy nhiên, đây vẫn là một tỷ lệ gia tăng rất cao, đặc biệt đồng bào Mông xã Hang Kia. Tỷ lệ sinh cao, tuy nhiên tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh cũng rất cao, điều này cho thấy công tác y tế và nhận thức của đồng bào còn rất lạc hậu. Nạn tảo hôn vẫn ăn sâu vào tiềm thức của đồng bào là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sức khỏe sinh sản của người Mông. Bên cạnh đó, các hậu quả khác như mê tín dị đoan, thói quen sinh hoạt và những cản trở trong tiếp cận các tri thức tiên tiến (một phần do trình độ học vấn thấp) cũng đang là sự phản ánh hiện trạng văn hóa xã hội của đồng bào Mông ở Hang Kia-Pà Cò.

Phần III. Bản sắc văn hóa và biến đổi giá trị văn hóa

Trong phần này, chúng tôi thảo luận một số kết quả nghiên cứu cũng như đưa ra một số nhận định về bản sắc văn hóa truyền thống và sự biến đổi một số giá trị văn hóa của cộng đồng dân tộc Mông tại hai xã Hang Kia và Pà Cò.

3.1. Tập quán sản xuất và công cụ sản xuất

Sản xuất nông nghiệp gắn liền với tập quán du canh là một trong những hoạt động kinh tế truyền thống của người Mông ở Hang Kia - Pà Cò. Đồng thời, tập quán canh tác cũng thể hiện rất rõ quan niệm tín ngưỡng, tâm linh của đồng bào Mông.

3.1.1. Nghề trồng trọt

Hoạt động nương rẫy là hoạt động phổ biến của đồng bào Mông. Với việc cư trú trên vùng núi đá vôi, cao hơn 1000m so với mực nước biển, người Mông ở Hang Kia - Pà Cò có rất ít đất và không có nước để canh tác, chủ yếu là làm nương, không làm ruộng nước. Họ thường đi các xã khác trong huyện hoặc sang các tỉnh lân cận như Sơn La, Thanh Hóa để xâm canh. Vì là đất xâm canh nên tính ổn định không cao, do đó đã ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất của người dân. Mặt khác, dân số ngày càng tăng nên diện tích đất canh tác vốn đã hiếm lại ngày càng bị thu hẹp hơn. Đồng thời, hoạt động trồng trọt của người Mông hầu như phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên nên năng suất không cao và khi đất bạc màu, người Mông di chuyển đến khu đất mới hoặc tiếp tục canh tác trên mảnh đất đó nhưng năng suất đạt được rất thấp.

Việc xâm canh, chọn đất làm nương thường được tiến hành sau khi người Mông ăn Tết xong. Công việc này thường do ông chủ gia đình đảm nhiệm. “Trước đây đất rộng người thưa, việc chọn đất thường được tiến hành rất kỹ lưỡng, họ thường chọn đất làm nương ở những khu rừng già. Vì theo kinh nghiệm của họ, rừng là nơi có đất tốt, cho thu hoạch cao. Theo họ, khi chọn đất nếu đất tốt phải có lớp đất màu đen, dày, tơi, xốp, độ ẩm cao. Khi chọn được mảnh đất ưng ý, họ thường phát quang xung quanh mảnh đất đó rồi lấy một chiếc cọc gỗ hoặc tre chôn ở giữa đám đất, bên trên buộc hai thanh gỗ chéo nhau để đánh dấu quyền sở hữu của mình⁵”. Sau khi chọn đất xong, người Mông không phát nương ngay mà phải đợi đến gần Tết mới tiến hành phát nương. Việc phát nương cũng phải chọn ngày (thường chọn ngày chóc, ngày rồng, tránh ngày rắn) và người phát đầu tiên bao giờ cũng là ông chủ gia đình, sau khi ông chủ phát làm phép xong thì các thành viên khác trong gia đình mới được phát cùng. Sau khi phát xong, họ để cỏ phơi nắng 15-20 ngày rồi mới đốt và tro chính là nguồn phân bón. Mảnh nương được sử dụng nhiều vụ hay ít vụ là tùy thuộc vào độ màu mỡ của đất. Lúc đầu, đất tốt thì trồng lúa, sau một vài vụ đất không còn màu mỡ, họ phải chuyển sang trồng các loại cây khác. Hiện nay, do có kỹ thuật, có nhiều loại phân bón nên một mảnh nương có thể canh tác lâu dài.

Tập quán du canh trở nên rất phổ biến đối với người Mông. Đồng bào thường dậy từ rất sớm, khoảng 4-5h sáng để lên nương lên rẫy, phải đi hàng chục km, thậm chí có những nơi xa tới 25-30km. Vì khoảng cách từ nhà đến nương rẫy xa nên những người đi nương thường ngủ lại đến cả tuần hoặc nửa tháng mới về nhà. Đến mùa thu hoạch, tiền thuê vận chuyển nông sản đất thậm chí gấp đôi giá trị nông sản. Ngày nay, hầu như gia đình nào cũng có xe máy nên tiết kiệm rất nhiều thời gian đi nương, đi rẫy, rút ngắn khoảng cách đi lại cho đồng bào Mông.

⁵ Nguyễn Thị Thanh Nga, 2007, tr.316-317

“Người Mông trước kia có tập quán du canh nhưng không du cư. Đồng bào Mông lúc này định cư tại Hang Kia-Pà Cò, tuy nhiên, đến mùa nương rẫy, người Mông còn sang tận vùng đất Thanh Hóa để canh tác, trồng ngô, trồng lúa. Đến mùa thu hoạch, mang sản phẩm từ Thanh Hóa về bằng xe ngựa, về sau hiện đại hơn là ô tô. Nhiều khi chi phí vận chuyển đắt gấp đôi tiền sản phẩm. Và nhà nước còn phải cho tiền thuê chở các sản phẩm này về, cho đến khi xã được nhà nước hỗ trợ mua xe, tiền thuê trở sản phẩm cũng rẻ hơn. Sau này, người Thanh Hóa đuổi không cho canh tác nữa, người Mông quay trở về địa bàn phá rừng làm nương rẫy”. (Nam, 73 tuổi, xã Hang Kia)

Người Mông thường trồng các loại ngô nương, lúa nương, cây lanh, cây bông, rau cải. Các cây trồng trên nương chủ yếu là ngô và lúa. Lúa tẻ được trồng nhiều hơn lúa nếp cho năng suất cao và nhu cầu dùng nhiều hơn. Ngô gồm các loại ngô nếp và ngô tẻ, trong đó ngô tẻ được trồng nhiều hơn cả vì loại ngô này thường được xay ra để nấu trộn với gạo làm món ăn chính. Lúa và ngô thường được trồng theo kiểu chọc lỗ tra hạt hết sức thủ công trên các sườn núi. Đây là nguyên nhân chính khiến năng suất nông sản của đồng bào rất thấp, các sản phẩm mang tính tự cung tự cấp.

Trong canh tác, khi tiến hành gieo trồng, ông chủ gia đình bao giờ cũng là người tra hạt đầu tiên vì theo quan niệm người Mông chỉ có người chủ mới có thể liên lạc với ông bà đã mất (để ông bà phù hộ cho một vụ mùa mới mưa thuận gió hòa, cho năng suất cao) và cũng đó cũng là người có kinh nghiệm sản xuất hơn những thành viên khác trong gia đình. Đồng thời, việc gieo trồng thường được chọn vào các ngày đầu tháng, vì họ quan niệm, những ngày này là ngày khởi đầu, còn ngày cuối tháng là ngày cùng tháng tận, chỉ có thể thu hoạch.

Ngoài lúa, ngô trên nương, người Mông trồng thêm các loại rau ăn, trồng lanh dệt vải và cây thuốc phiện. Cây lanh là loại cây trồng đặc trưng vì nó gắn liền với truyền thống dệt sợi của người Mông. Trang phục của người Mông trước kia hầu hết được làm từ sợi lanh.

Những năm 1993 trở về trước, cây anh túc (cây thuốc phiện) là nguồn thu nhập chính của đồng bào. Cây anh túc được trồng xen với cây lanh mang lại năng suất rất cao. Trước đây, cây anh túc trồng tràn lan trên địa bàn cư trú cũng như trên nương rẫy của người Mông ở Hang Kia-Pà Cò. Nguyên nhân này cùng với nguyên nhân địa lý gần giáp ranh với biên giới Việt-Lào là những nguyên nhân khách quan khiến cho Hang Kia-Pà Cò trở thành điểm nóng của tệ nạn buôn bán ma túy, đặc biệt là xã Hang Kia.

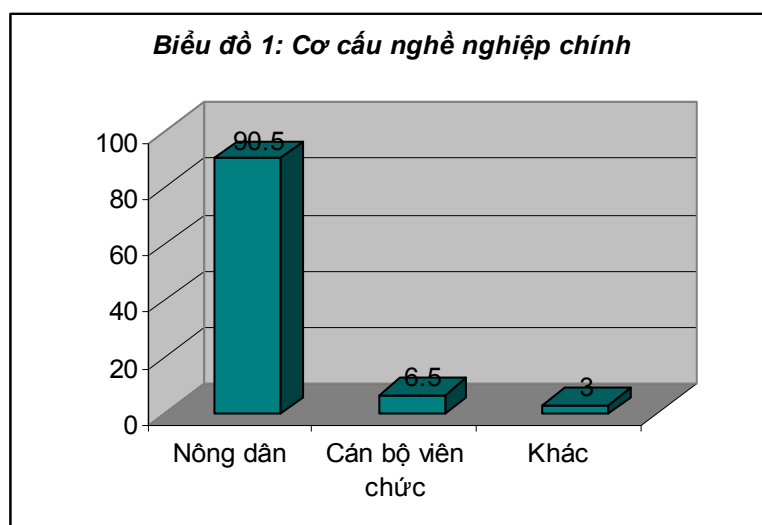
3.1.2. Nghề chăn nuôi

Hoạt động trồng trọt thường gắn liền với hoạt động chăn nuôi của đồng bào Mông. Đồng bào Mông thường chăn nuôi gia súc trên nương, trên rẫy. Hình thức trang trại chăn nuôi gia súc nhỏ ngoài nương rẫy trở nên rất phổ biến với đồng bào Mông. Các trang trại này thường được rào lại để khoanh vùng nuôi gia súc, trước kia rào chủ yếu bằng tre, bằng cây rừng, nay nhiều nhà đã dùng dây thép, dây sắt để rào. Các gia súc được nuôi đa số là trâu, bò, lợn... được dùng với mục đích chủ yếu là lấy sức kéo và phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt (như các ngày lễ, tết hoặc khi gia đình có việc lớn cưới xin, ma chay). Gà cũng thường được nuôi ở gần nhà theo hình thức này. Người Mông có giống lợn to, lông đen, có trọng lượng lớn, nhiều nạc là giống lợn quý của địa phương. Tuy chưa được chú ý phát triển nhưng hiện nay bà con người Mông vẫn duy trì chăn nuôi giống lợn này.

Hoạt động chăn nuôi của người Mông phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, vì vậy, các gia súc, gia cầm nuôi bị bệnh dịch, hoặc chết rết rất phổ biến gây thiệt hại rất lớn cho đồng bào. Do trình độ dân trí thấp nên việc tiếp thu khoa học kỹ thuật để ứng dụng vào sản xuất trở nên rất khó khăn đối với người Mông.

“Sau đợt rét năm ngoái, nhà mình có bốn con bò, chết mất ba con rồi. Cũng chẳng biết làm sao được nữa. Buồn lắm!” (Nam, 40 tuổi, xã Hang Kia)

Qua phỏng vấn cho thấy, ngày nay, nông nghiệp vẫn là mô hình sinh kế chủ đạo của đồng bào Mông ở Hang Kia - Pà Cò. Biểu đồ 1 chỉ ra rằng có tới 90,5% số người được hỏi coi nông nghiệp là nghề nghiệp chính của mình.



Tuy nhiên, cơ cấu cây trồng đã thay đổi so với trước kia. Từ năm 1993, nhà nước có chủ trương xóa bỏ cây thuốc phiện (cây anh túc, cây lanh) và thay thế bằng một số cây trồng như mận hậu, rong riềng, đào, đỗ tương, đào, hồng, ... 100% các hộ gia đình đều trồng cây mận vì loại cây này rất phù hợp với điều kiện khí hậu, cho năng suất cao, lại không phải chăm bón. Tuy nhiên, ngô vẫn là nông sản chính mang lại nguồn thu quan trọng cho đồng bào. Đồng bào Mông ở Hang Kia còn có một số hộ trồng lúa nương, ở Pà Cò còn trồng rất ít.

Phương thức sản xuất của đồng bào Mông ở Hang Kia - Pà Cò ngày nay cũng có khác biệt chút ít do được phổ biến kỹ thuật canh tác mới từ các chương trình khuyến nông, nhưng về cơ bản vẫn là sản xuất tự cấp tự túc với kỹ thuật canh tác thô sơ, lạc hậu, phụ thuộc vào thiên nhiên.

“Nghe Đảng, nghe nhà nước, xóa bỏ được cây thuốc phiện, nhân dân chăm chú làm ăn lương thiện, tăng gia sản xuất góp phần vào phát triển kinh tế huyện nhà. Như trước kia, có nhà ở xã Hang Kia trồng xung quanh vườn 3 ha cây thuốc phiện, lúc đó đời sống khó khăn lắm, nay nghe Đảng, Nhà nước, gia đình anh đã phá bỏ toàn bộ cây thuốc phiện và thay vào đó là củ rong riềng, mỗi năm thu nhập hơn 30 triệu đồng”. (Nam, 50 tuổi, cán bộ xã Hang Kia)

Về công cụ sản xuất, đồng bào Mông vẫn sử dụng chủ yếu các công cụ sản xuất thủ công giống trước kia như cày (71%), cuốc (99), xẻng (92%), dao (92,5%), ... Điều này cho thấy

cách thức sản xuất của người Mông cũng chưa có nhiều thay đổi, vẫn còn hết sức lạc hậu. Bảng 2 chỉ ra tỷ lệ sử dụng các công cụ sản xuất hiện nay của đồng bào Mông.

Bảng 2: Tỷ lệ sử dụng các công cụ sản xuất (%)

| | Công cụ sản xuất | | | | | | | |
|----------------|------------------|------|------|------------------|---------------|--------------------|---------------------|--------------------|
| | Cày | Cuốc | Xẻng | Liềm/ Hái/Dao | Máy tẽ ngô | Máy bơm nước | Máy phát điện | Máy móc khác |
| Xã Pà Cò | 86,0 | 99,0 | 86,0 | 85,0 | 2,0 | 1,0 | 3,0 | 2,0 |
| Xã Hang Kia | 56,0 | 99,0 | 98,0 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| % Tổng | 71,0 | 99,0 | 92,0 | 92,5 | 1,0 | 0,5 | 1,5 | 1,0 |

Không có sự khác biệt nhiều về tỷ lệ sử dụng các công cụ sản xuất giữa hai xã Hang Kia và Pà Cò. Tuy nhiên, theo Bảng 2, ta cũng thấy có sự khác biệt nhỏ về tỷ lệ sử dụng các công cụ hiện đại như máy bơm nước, máy phát điện, những hộ gia đình sử dụng các thiết bị này ở Pà Cò (máy bơm nước 1,0%, máy phát điện 3,0%). 100% các hộ được hỏi ở Hang Kia không sử dụng các công cụ sản xuất này. Điều này có thể giải thích được là do những thay đổi về phương thức sản xuất ở Pà Cò diễn ra mạnh mẽ hơn, do có điều kiện đi lại, giao lưu thuận lợi hơn. Chợ Pà Cò nằm ở trung tâm xã Pà Cò là nơi thu hút đông đảo người dân từ khắp nơi đến buôn bán, giao lưu và thăm quan. Những yếu tố này là điều kiện thuận lợi hơn để cho Pà Cò phát triển kinh tế-xã hội so với xã Hang Kia.

3.1.3. Tiểu thủ công nghiệp truyền thống

Bên cạnh sản xuất nông nghiệp, người Mông còn phát triển đa dạng các nghề thủ công như dệt vải, làm giấy bản, rèn, đan lát, ... Các thợ thủ công Mông phần lớn là thợ bán chuyên nghiệp làm ra những sản phẩm nổi tiếng như lưỡi cày, nòng súng, các đồ đựng bằng gỗ ghép.



Hình 2: Phụ nữ Mông đang thêu thùa tại xã Pà Cò (Nguồn: Nguyễn Thị Hằng)

Nghề thủ công truyền thống của người Mông đa phần phục vụ cho sản xuất và nhu cầu sinh hoạt trong gia đình, mang tính thời vụ và tranh thủ vào lúc rảnh rỗi, và chưa phát triển thành các tổ hợp hay các làng nghề.

Nghề dệt: Nghề trồng bông dệt vải có từ lâu đời ở vùng người Mông Hang Kia – Pà Cò. Mỗi gia đình người Mông thường có một đến hai chiếc khung dệt do người Mông tự làm. Việc dệt vải do người phụ nữ đảm nhận. Hoạt động thuê/dệt thổ cẩm là công việc không thể thiếu đối với phụ nữ Mông (100% số phụ nữ được hỏi đều làm công việc này). Phụ nữ Mông thường tranh thủ thuê trang phục vào bất kỳ thời gian rảnh rỗi nào, buổi tối hay ban ngày lúc nghỉ giải lao ngoài nương rẫy. Nam giới quan niệm rằng đây là công việc của phụ nữ, vì vậy hầu như không có nam giới người Mông nào biết thuê cả. Chỉ có một số rất ít em nam nhỏ phụ giúp mẹ thuê thửa lúc rảnh rỗi.

Trước kia, người Mông thường phải dệt vải bằng phương pháp thủ công truyền thống, chất liệu từ cây lanh, cây bông và các nhựa cây rừng, quá trình dệt vải rất công phu, mất nhiều thời gian và công sức. Sau khi dệt xong, người ta đem nhuộm chàm, rồi tạo hoa văn cho các trang phục bằng cách in sáp ong, nhuộm, đắp vải, ...

Ngày nay, công việc này vẫn còn được duy trì trong một số gia đình người Mông, song cũng đã có nhiều thay đổi. Số người trồng lanh, dệt sợi không còn nhiều, hầu hết đều mua vải, mua chỉ màu từ chợ về để in, nhuộm trang phục theo kiểu truyền thống. Các trang phục được thuê này hầu như chỉ đủ dùng, có một số dư thừa được mang ra chợ bán. Do quá trình thuê trang phục cũng mất rất nhiều thời gian và công sức. Thông thường phải mất từ 2-3 tháng mới xong một chiếc váy của phụ nữ Mông.

“Dệt vải mất nhiều công lắm. Bây giờ muốn gì ra chợ đều có, cứ có tiền là mua được mà, nên chị em thường ra chợ mua về rồi mới thuê chứ không dệt nữa” (Nam, 45 tuổi, Pà Cò)



Hình 3: Phụ nữ Mông mua váy tại chợ Pà Cò (Nguồn: Nguyễn Thị Hằng)

Vì vậy, chất liệu trang phục của người Mông ngày nay, đa số đã khác rất nhiều so với trước kia, phần đa là các vải sợi nhân tạo. Các loại vải này được người Kinh mang từ dưới

xuôi lên bán tại chợ Pà Cò, hoặc chính những người Mông từ Lào Cai, Hà Giang mang xuống. Các sản phẩm này đều có xuất xứ từ Trung Quốc. Những chiếc váy công nghiệp thông thường chỉ có giá từ 45.000đ đến 100.000đ, trong khi đó những chiếc váy được làm thủ công có giá tới 1 triệu đồng.

“Mình thường bán hàng ở chợ Pà Cò vào thứ Bảy, Chủ Nhật. Còn các ngày thường khác thì cho vào ba lô mang đến các bản Lũng Xá, Xà Lĩnh, các bản ở huyện Mộc Châu, Yên Châu, Hát Lót, Kim Chung... để bán. Mình mang các loại váy mới (hàng công nghiệp giá thủ công) để đổi lấy váy cũ (hàng thủ công do người Mông tự làm), sau đó về bán lại cho các cửa hàng ở Lào Cai hay ở Hà Nội, nơi có nhiều du khách thích mua hàng này. Mỗi lần cũng kiếm được kha khá nếu kiếm được năm bảy chiếc váy cũ” (Nam, 23 tuổi, người Lào Cai bán hàng tại chợ Pà Cò).

Nghề làm giấy bản: Bên cạnh nghề dệt thổ cẩm, nghề làm giấy thủ công đã có từ lâu đời và không thể thiếu được trong cuộc sống tâm linh của đồng bào người Mông. Vì vậy, mỗi nhà người Mông trước kia đều tự sản xuất được giấy.

Giấy thường được làm vào thời gian nông nhàn đặc biệt là vào dịp tết để cúng mừng năm mới. Người ta thường làm giấy vào mùa khô ráo, trời nắng mới đem phơi giấy để giấy được trắng và đẹp. Nghề làm giấy chủ yếu do người phụ nữ đảm nhiệm, không yêu cầu kỹ thuật cao lắm. Người Mông thường sử dụng các loại chất liệu có rất nhiều ở nơi họ cư trú như cây dương, tre non, rom làm vật liệu.

Giấy sản xuất ra thường để cúng, không phải để viết nên không cần độ mịn, trắng cao. Họ quan niệm rằng, nếu lễ tết, cúng cầu mùa không có giấy cúng tự mình làm ra thì tổ tiên sẽ không nhận. Mỗi gia đình người Mông có một góc thờ, dù chỉ dán tờ giấy lên vách phía sau đối diện với cửa chính đánh dấu góc thờ nhưng rất đổi linh thiêng. Ngoài ra giấy còn được dùng làm lá gió cho bể lò rèn, vừa dai bền lại lâu rách.



Hình 4: Dụng cụ làm giấy của người Mông (Nguồn: Nguyễn Thị Hằng)

Ngày nay, không phải gia đình người Mông nào cũng làm giấy nhưng trong tất cả các bản đều vẫn duy trì nghề này vì sản phẩm giấy đã đi vào tâm linh của họ, là sự gắn kết giữa người sống với tổ tiên và nhắc nhở con cháu nhớ về cội nguồn.

Nghề rèn: Nghề rèn của người Mông Hang Kia - Pà Cò tương đối phát triển với kỹ thuật tôi, khoan, chế tạo các công cụ sản xuất như dao, cuốc, lưỡi rìu, súng kíp, đồ trang sức phụ nữ, ... Nghề rèn được truyền từ đời này sang đời khác và trong thực tế, không phải người Mông nào cũng biết rèn, do vậy, họ có những bí quyết riêng trong kỹ thuật tôi sắt, tạo ra những vật phẩm bền và chắc. Đặc biệt, kỹ thuật khoan nòng súng kíp của người Mông đã đạt tới trình độ rất cao. Sản phẩm từ nghề rèn đã đem lại thu nhập rất cao cho người Mông và được các tộc người khác sử dụng như Thái, Mường ở Mai Châu.

Nghề đan lát: Người Mông ở Hang Kia – Pà Cò cũng biết đan một số vật dụng thông thường dùng trong gia đình, nhưng các vật dụng đòi hỏi kỹ thuật cao như guai, giỏ đựng cơm, ghế mây thì họ phải mua của người Thái. Nghề đan lát ở đây chưa phát triển và chưa mang tính chuyên nghiệp như nghề rèn.

Có sự phân công lao động trong các nghề thủ công. Thông thường, đàn ông làm các nghề cần nhiều sức lực như rèn, đan lát, còn phụ nữ thì làm giấy, dệt vải.

3.1.4. Săn bắt, hái lượm

Trước kia, rừng ở Hang Kia – Pà Cò có rất nhiều loại thú lớn, nên hoạt động săn bắt, hái lượm là hoạt động kinh tế chính của người Mông truyền thống, mang lại nguồn thức ăn quan trọng cho đồng bào. Rừng ở Hang Kia Hoạt động này thường thu hút đông đảo các thành viên tham gia, gọi là các cuộc đi săn tập thể, mang tính cộng đồng sâu sắc. Thú săn được sẽ được chia đều cho các thành viên đi săn, riêng người bắn chết con thú sẽ được thêm phần đầu. Công việc săn bắt do đàn ông đảm nhiệm, còn phụ nữ thường hái lượm các loại rau, củ, quả. Hoạt động săn bắt, hái lượm hiện nay không còn phổ biến nữa và chỉ còn là hoạt động kinh tế bổ trợ của đồng bào.

Tóm lại, hoạt động kinh tế - sản xuất của đồng bào Mông ngày nay đã có những biến đổi nhất định so với trước kia. Nhưng về cơ bản, vẫn duy trì hoạt động kinh tế truyền thống là sản xuất nông nghiệp kết hợp với chăn nuôi và tiểu thủ công nghiệp. Canh tác nông nghiệp truyền thống ở đây mang tính chất kinh nghiệm, phụ thuộc vào thiên nhiên và tự cung tự cấp. Những kinh nghiệm sản xuất và chăn nuôi đều được truyền từ đời này sang đời khác. Cách thức canh tác chủ yếu được tiến hành bằng lao động thủ công. Nghĩa là quá trình canh tác không có công cụ máy móc mà hoàn toàn sử dụng công cụ thô sơ như: cuốc, xẻng, dao, rìu ... Đồng bào đã tận dụng sức kéo của trâu, bò vào việc canh tác. Nương rẫy của đồng bào cũng với lối canh tác đơn giản: *đào canh hỏa chủng*, bằng dao, cuốc, đốt bằng lửa, tra hạt bằng gậy trục lỗ.

3.2. Đặc điểm cư trú và nhà ở

3.2.1. Đặc điểm cư trú

Giống như những người Mông ở miền núi phía Bắc, người Mông ở Hang Kia – Pà Cò cư trú biệt lập ở vùng núi cao, ít có quan hệ với dân tộc khác. Họ thường sống quần tụ lại với nhau thành thôn bản riêng, mỗi bản có khoảng 15-20 gia đình, mỗi dòng họ cư trú quây quần thành một cụm. Các bản thường được lập trên các sườn núi hay thung lũng, thuộc vào thế đất và điều kiện canh tác mà các bản của người Mông ở đây thường không giống nhau. Mỗi bản đều có tên gọi, ranh giới riêng, tuy không phân chia rạch ròi và thường lấy

các khe núi, khu rừng làm mộc. Trong từng bản, các hộ gia đình thường ở rải rác, cách xa nhau và không theo một trật tự nhất định.

Địa vực cư trú Hang Kia – Pà Cò thuộc địa hình đá vôi và không có sông ngòi, khí hậu ôn đới với hai mùa rõ rệt: Mùa hè thường bắt đầu từ tháng 3 đến tháng 9, lượng mưa tương đối nhiều. Mùa đông thường bắt đầu từ tháng 10 đến tháng 2, thời gian rét kéo dài, tình trạng hạn hán thường xảy ra. Các đặc điểm này gây ra tình trạng thiếu nước sản xuất và sinh hoạt cho đồng bào.

Các đặc điểm cư trú này thể hiện phần nào sự phù hợp với hình thái sản xuất của người Mông là nông nghiệp trồng trọt – làm nương, chăn nuôi đại gia súc.

3.2.2. Đặc điểm nhà ở

Trước kia, người Mông ở nhà kê đất, vách gỗ, nền đất, mái lợp bằng gỗ pơ mu hoặc mái gianh, nóc nhà hình mai rùa gần tương tự như nóc nhà của người Thái Đen và người Mông. Mô hình nhà gần tương tự như nhà gianh vách đất của người Kinh dưới đồng bằng, gian buồng thường nằm ở phía bên trái để ngủ và chứa lương thực; chiếc giường kê ở gian ngoài thường dành cho khách.

“Ngày trước người Mông mình làm nhà cột chôn xuống đất, xung quanh là vách gỗ, lợp mái bằng gỗ pơ mu, nền đất. Nhưng cột chôn xuống đất thì hay bị mối xông, nên người Mông học các dân tộc khác để làm nhà kê gỗ, tức là cột nhà được kê để tránh chạm đất”. (Nam, 75 tuổi, xã Pà Cò).



Hình 5: Chiếc bếp đặt giữa nhà của một gia đình người Mông (Nguồn: Nguyễn Thị Hằng)

Nhà của người Mông thường gồm có 03 gian trở lên. Gian chính giữa giáp vách hậu là nơi đặt ban thờ tổ tiên, gian này còn là nơi dành cho ăn uống hàng ngày. Giữa nhà thường có một cái bếp lớn, mang ý nghĩa cộng đồng sâu sắc. Dù ngày thường có hoặc không sử dụng, nhưng mỗi khi xuân về Tết đến, người Mông đều nhóm bếp này lên, mọi người trong gia đình quây quần, sum vầy sưởi ấm và cùng chuẩn bị bữa ăn ngày Tết. Đặc biệt,

mỗi khi nhà có khách, cái bếp này chính là nơi để đón tiếp khách, vừa trò chuyện vừa sưởi ấm bên bếp lửa hồng.

“Người Mông ngày xưa không có bàn ghế như bây giờ, nên khi có khách thường ngồi quay quần bên bếp lửa để trò chuyện và sưởi ấm” (Nữ, 35 tuổi, xã Hang Kia).

Nhà của người Mông bao giờ cũng có sán gác ở bếp để cất giữ đồ đạc, lương thực, thực phẩm. Ngô lúa mang từ nương về bao giờ cũng được cất lên gác. Khói bếp sẽ làm khô và giữ cho không bị sâu mọt. Phong tục người Mông không cho con gái, đàn bà được ngủ trên gác. Khi đàn ông trong nhà đi vắng thì con dâu không được phép lên gác.

Trong gia đình người Mông, phòng ngủ của vợ chồng con cái được bố trí riêng. Người Mông ngủ bằng phản hoặc giát bằng tre mai đập giập, nó phù hợp với ngôi nhà đất của người Mông. Người Mông rất khát khe, nơi ngủ của con dâu, em dâu thì bố chồng và anh chồng không được vào và ngược lại, con dâu, em dâu không được vào chỗ ngủ của bố chồng, anh chồng.

Ngày nay, nhiều nhà đã ngủ bằng giường thay thế cho phản hoặc giát và nó trở thành vật dụng không thể thiếu được của người Mông vì nó gắn liền với việc ở nhà đất.

Việc làm nhà của người Mông phải sử dụng rất nhiều gỗ cây rừng, việc khai thác gỗ đã làm cho tài nguyên rừng ngày càng cạn kiệt và gây xói mòn đất. Vì vậy, với chính sách bảo vệ rừng của nhà nước, những năm gần đây một số hộ gia đình người Mông đã chuyển sang loại hình nhà xây tường gạch, lợp mái ngói, nền lát gạch. Tuy nhiên mô hình nhà về cơ bản vẫn được duy trì như ngôi nhà truyền thống. Loại nhà này gần tương tự như nhà cấp 4 của người Kinh dưới xuôi.

Trước kia, do tập quán du canh du cư nên người Mông thường làm nhà ở rất đơn giản và tính kiên cố không cao. Ở Hang Kia – Pà Cò, người Mông đã định cư được khoảng 100 năm nay nên không có ý định dời nhà đi đâu nữa. Chính vì vậy, ngôi nhà cũng dần dần được thiết kế chắc chắn hơn, chất liệu bền hơn để ở lâu dài, nhưng về kiến trúc, cách bài trí trong ngôi nhà thì về cơ bản vẫn không thay đổi.

100% các hộ gia đình người Mông hiện nay đều duy trì mô hình nhà ở truyền thống. Tuy nhiên, trong đó 95% số hộ đã cải tiến cách làm nhà ở, chuyển sang loại nhà bán kiên cố, thường lợp mái ngói, nền lát gạch, hoặc có nhà xây tường gạch xi măng. 100% số người được hỏi nếu có điều kiện làm nhà mới, đồng bào đều có nguyện vọng duy trì mô hình nhà ở truyền thống của người Mông. Điều đó chứng tỏ người Mông còn rất coi trọng kiểu nhà truyền thống của mình.

“Nếu được làm lại nhà, mình vẫn mong được làm kiểu nhà như đang ở hiện nay, nhưng nền lát gạch, còn tường xây, lợp mái ngói. Mình là người Mông phải làm nhà theo kiểu của người Mông chứ, không thể làm nhà xây theo kiểu người Kinh được” (Nam, 50 tuổi, xã Pà Cò).

“Nếu có nhiều tiền cũng không thể xây nhà tầng như người Kinh được. Vì người Mông mình phải đi nương rẫy, làm nhà tầng thì bất tiện lắm” (Nữ, 30 tuổi, xã Hang Kia).

3.3. Ngôn ngữ

Ngôn ngữ Mông không có chữ viết. Năm 1961 phương án chữ Mông theo tự dạng La-tin đã được chính phủ Việt Nam phê chuẩn (cụ thể bộ chữ được xây dựng theo ngữ âm ngành Mông Lềnh Sa Pa, Lào Cai) có bổ sung thêm một số âm vị của các ngành Mông khác, gồm 59 phụ âm (có 3 âm vị phụ âm của ngành Mông Đơ và Mông Súa), 28 vần và 8 thanh. Vào thập niên 1970, phong trào học chữ Mông phát triển khá mạnh ở hầu hết các tỉnh miền núi phía Bắc của Việt Nam, nơi có nhiều người Mông sinh sống. Nhưng đến nay với nhiều nguyên nhân khác nhau mà tình hình học chữ Mông đã không còn phát triển như trước kia nữa.

Từ sau công cuộc đổi mới (1986) đến nay, dưới sự tác động của nền kinh tế thị trường và sự tăng cường giao lưu hội nhập, ngôn ngữ của đồng bào Mông đã có nhiều biến đổi, từ chỗ chỉ biết nói tiếng phổ thông (đặc biệt là phụ nữ Mông) chuyển dần theo hướng tăng cường sử dụng song ngữ. Tuy nhiên, đồng bào Mông ở Hang Kia - Pà Cò vẫn sử dụng tiếng Mông làm công cụ giao tiếp chính. Trong số những người được hỏi, 100% đều biết nói tiếng dân tộc mình và sử dụng nó trong giao tiếp hàng ngày - trong gia đình và trong cộng đồng.

Tỷ lệ sử dụng song ngữ ngày càng nhiều và có sự khác biệt theo độ tuổi cũng như theo giới tính trong việc sử dụng ngôn ngữ. Những người trẻ tuổi hơn có khả năng sử dụng tiếng phổ thông, sử dụng song ngữ thành thạo hơn.

Qua khảo sát cho thấy, 71% số người được hỏi đều biết nói hai tiếng là tiếng dân tộc mình và tiếng dân tộc Kinh. Tuy nhiên, khi giao tiếp trong gia đình và cộng đồng, người Mông chỉ sử dụng tiếng dân tộc mình (100%). Tiếng phổ thông chỉ được sử dụng khi giao tiếp với người Kinh hoặc người Thái, đặc biệt là trong các phiên chợ tại Pà Cò, nơi có nhiều người Kinh và người Thái đến mua bán.

Tỷ lệ phụ nữ không nói được tiếng phổ thông chiếm 36,6%. Những phụ nữ trẻ tuổi hơn thành thạo tiếng phổ thông hơn, tỷ lệ này chiếm 45,2% ở nhóm tuổi dưới 35 so với 22,5% ở nhóm tuổi từ 35 trở lên, 85% nam giới đều nói được tiếng phổ thông, chỉ có 15% không nói được tiếng phổ thông, hoặc nói được rất ít thuộc nhóm các cụ già.

Do địa bàn cư trú rất giáp với huyện Mộc Châu (Sơn La), nơi có nhiều người Thái sinh sống và làm nương làm rẫy gần nhau, nhiều người Mông ở Hang Kia còn nói được tiếng Thái, đặc biệt là nhóm thanh niên và trung niên (tỷ lệ nói được tiếng Thái chiếm 10% số người được hỏi).

Các băng đĩa lậu gồm phim, ca nhạc từ Thái Lan, Lào, Trung quốc nhập vào bằng tiếng Mông được đồng bào hưởng ứng mạnh mẽ, “*vì họ cũng nói tiếng Mông. Mặc dù ngôn ngữ tiếng Mông cũng có khác nhau giữa các vùng nhưng mình vẫn có thể hiểu được và hiểu dễ hơn tiếng phổ thông nhiều*” (Nam, 30 tuổi, xã Hang Kia).

Về mặt quan niệm, 100% đồng bào Mông ở đây đều cho rằng phải biết sử dụng tiếng dân tộc của mình (mọi lứa tuổi, tầng lớp sinh sống ở nông thôn) và có tới 90% số người được hỏi đồng ý nên dạy tiếng Mông trong trường học. Điều này cho thấy tiếng Mông rất được coi trọng trong đồng bào.

“Nếu được dạy tiếng Mông trong trường học thì tốt quá. Con cháu vừa biết tiếng phổ thông lại vừa biết chữ của dân tộc mình. Như thế sau này sẽ giúp ích cho người Mông, cho gia đình. Như thế hệ chúng tôi, nhiều người không biết tiếng phổ thông thiệt thòi lắm” (Nữ, 30 tuổi, xã Pà Cò).

Có thể khẳng định rằng, chính sách phát triển giáo dục đã ảnh hưởng quyết định tới việc sử dụng ngôn ngữ phổ thông của đồng bào Mông ngày càng nhiều. Đối với trẻ em và thanh niên nam, việc thành thạo tiếng phổ thông là chuyện đương nhiên. Hơn nữa, tham gia giao lưu với cộng đồng người Kinh trong đời sống, học tập, buôn bán ... đòi hỏi đồng bào Mông phải nói tiếng phổ thông thường xuyên. Đối với phụ nữ người Mông, trừ một số em nhỏ được đến trường biết nói tiếng phổ thông, còn hầu hết không nói được tiếng phổ thông. Do người đàn ông đóng vai trò là chủ gia đình, chịu trách nhiệm giao tiếp và quan hệ với họ hàng cũng như xã hội, vai trò của người phụ nữ bị hạn chế rất nhiều, hầu như phụ nữ chỉ ở nhà đi nương rẫy và thêu thỏ cẩm, làm các công việc trong gia đình, nên họ không nói được tiếng phổ thông. Vì vậy, phụ nữ Mông cũng cảm thấy rất ngại khi tiếp xúc với người Kinh và không tự tin khi buộc phải nói tiếng phổ thông. Chỉ có một số chị em phụ nữ thường xuyên đi chợ Pà Cò, có hoạt động giao tiếp buôn bán với người Kinh thì nói được tiếng phổ thông khá tốt.

Ngày nay, việc vay mượn tiếng phổ thông trong giao tiếp đã trở nên phổ biến hơn, nhất là những thuật ngữ liên quan đến cơ chế xã hội mới, liên quan đến khoa học công nghệ mới hoặc các sản phẩm mới do công nghệ sản xuất,... Điều này chứng tỏ sự hội nhập các dân tộc đã và đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Đặc biệt, do nhu cầu giao lưu buôn bán trong các phiên chợ với người Kinh và dân tộc khác mà tiếng phổ thông trở nên ngày càng thông dụng đối với đồng bào.

3.4. Quan hệ gia đình, dòng họ, thôn bản

3.4.1. Quan hệ gia đình

Hình thức gia đình phụ quyền chi phối sâu sắc quan hệ gia đình của người Mông truyền thống. Người phụ nữ lấy chồng cư trú bên gia đình nhà chồng, phải cung phụng và tuân thủ mọi nội quy phép tắc của gia đình, họ hàng nhà chồng. Cô dâu qua lễ nhập môn, bước qua cửa nhà trai, coi như đã thuộc vào dòng họ của chồng. Cha mẹ khi về già nhất thiết phải ở với con trai, con trai trưởng hay thứ đều được. Vì vậy, người Mông nhất thiết phải sinh con trai, có thể sinh năm, sinh bảy nhưng chưa có con trai vẫn phải sinh cho bằng được.

Có sự khác biệt lớn về sự phân công lao động trong gia đình giữa nam và nữ. Người phụ nữ thường gắn liền với các công việc như bép núc, đi nương làm rẫy, lúc rảnh rỗi thì thêu thùa, dệt vải. Đàn ông bên cạnh việc tham gia các hoạt động sản xuất cùng với phụ nữ, họ còn chủ trì các quan hệ giao tiếp trong gia đình, với khách hoặc trong cộng đồng. Vì vậy mà tỷ lệ nói tiếng phổ thông của đàn ông (80%) cao hơn rất nhiều so với phụ nữ (60,5%). Những quan niệm đã ăn sâu vào tiềm thức của người Mông, đặc biệt là người đàn ông xem các công việc nội trợ, chăm sóc con cái, thêu thùa là công việc của phụ nữ, không phải là công việc của đàn ông.

Người đàn ông có tiếng nói quyết định trong gia đình, còn người phụ nữ trở nên lệ thuộc người chồng của mình trong giao tiếp xã hội, người phụ nữ hầu như không được phép hoặc không có cơ hội cũng như không dám, không tự tin trong giao tiếp khi nhà có khách hoặc quan hệ với cộng đồng làng xóm. Có một số ít phụ nữ nói rằng chỉ khi chồng đi vắng mới phải thay mặt chồng đi họp thôn hay tham gia các sinh hoạt giỗ tết trong họ hàng.

“Chỉ khi chồng đi vắng, mình mới đi họp thôn thay chồng thôi” (Nữ, 40 tuổi, xã Pà Cò).

Những đặc điểm này cũng lý giải phần nào nguyên nhân người Mông ly dị rất ít. Họa huân có trường hợp ly dị là do phía người đàn ông yêu cầu. Còn người phụ nữ dù có khổ đến mấy cũng vẫn cam chịu khi đã bước chân về nhà chồng thì chết cũng phải làm ma nhà chồng. Đây cũng chính là những qui tắc luật lệ người Mông.

Tôn ti trật tự thứ bậc theo vai vế của người đàn ông trong gia đình và dòng họ thể hiện khá rõ, có phần tương tự như quan hệ dòng họ của người Kinh ở các làng nông thôn của đồng bằng sông Hồng.

Tất cả các đặc điểm về gia đình người Mông truyền thống đã nêu ở trên vẫn được duy trì và hầu như không có thay đổi gì cho đến ngày nay.

Nếu như trước kia, hình thức gia đình mở rộng là phổ biến, thường từ ba đến bốn thế hệ, thì nay có xu hướng tăng dần mô hình gia đình hạt nhân, gồm hai thế hệ, cha mẹ và con cái. Đồng thời, quy mô gia đình cũng nhỏ dần. Mỗi gia đình thường gồm khoảng 5 đến 7 người (chiếm khoảng 60%), từ 1 đến 4 người chiếm 22,5%, có 17,5% gia đình có từ 7 người trở lên, đặc biệt trong đó số gia đình 4 thế hệ chiếm 3,5% và mỗi gia đình có từ 12 đến 13 thành viên.

Bảng 3 cho ta nhận xét sơ bộ về qui mô gia đình của người Mông phân theo nhóm tuổi.

Bảng 3: Số thế hệ cùng sống trong hộ gia đình

| Nhóm tuổi | Số thế hệ cùng sống trong hộ gia đình | | | |
|---------------|---------------------------------------|-------|-------|------|
| | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Dưới 35 | 6,4% | 52,7% | 40,0% | 0,9% |
| Từ 35 - 49 | 5,1% | 30,5% | 55,9% | 8,5% |
| Từ 50 trở lên | 6,9% | 10,3% | 79,3% | 3,4% |
| % Tổng | 6,1% | 39,9% | 50,5% | 3,5% |

Số thế hệ cùng sống ngày nay phổ biến là gia đình hai thế hệ và ba thế hệ, gia đình ba thế hệ vẫn còn chiếm một tỷ lệ rất lớn 50,5%, gia đình hai thế hệ chiếm 39,9%. Đồng thời, có sự khác biệt về qui mô gia đình giữa các nhóm tuổi được điều tra. Những người trẻ tuổi hơn (dưới 35 tuổi) có qui mô gia đình nhỏ hơn, số gia đình 02 thế hệ chiếm 52,7%, 03 thế hệ chiếm 40,0%. Những người nhóm trung niên, số gia đình 02 thế hệ chiếm 30,5%, 03 thế hệ chiếm 55,9%. Còn những người thuộc nhóm tuổi 50 tuổi trở lên, số gia đình 03 thế hệ chiếm tỷ lệ rất cao (79,3%), gia đình hạt nhân (2 thế hệ) chỉ chiếm tỷ lệ khiêm tốn 10,3%.

Có thể nói, gia đình của đồng bào Mông ngày nay đã có những biến đổi rõ rệt cả về quy mô và hình thức. Cùng với sự phát triển mọi mặt của đời sống, quy mô gia đình của đồng bào Mông cũng ngày càng nhỏ lại. Sự biến đổi này có thể được giải thích bởi sự tác động của chính sách kế hoạch hóa gia đình. Đồng thời, sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, sự độc lập về tài chính của những người con đã làm giảm dần sự phụ thuộc của họ vào cha mẹ, cả về tinh thần lẫn vật chất. Điều đó tạo ra xu hướng tách hộ, sống độc lập, tự chủ ngày càng tăng. Tuy nhiên, vai trò, vị trí, sự phân công lao động giữa các thành viên trong gia đình

hầu như không thay đổi so với trước kia. Đó vẫn là sự thống lĩnh của chế độ phụ quyền và thể hiện rất rõ sự bất bình đẳng về phân công lao động và địa vị xã hội giữa nam giới và phụ nữ.

3.4.2. Quan hệ dòng họ

Trong xã hội cổ truyền, người Mông rất coi trọng quan hệ dòng họ bao gồm những người có chung tổ tiên. Các thành viên trong họ chủ yếu gắn bó với nhau về mặt huyết thống, kinh tế, văn hóa, còn đối với những người trong cùng một bản chỉ là mối quan hệ cộng cư. Các đặc trưng riêng với mỗi họ thể hiện ở những nghi lễ cúng tổ tiên, ma cửa, ma mộ ... như số lượng và cách bày bát cúng, bài cúng, nơi cúng, ở các nghi lễ ma chay như cách quản người chết trong nhà, cách để xác ngoài trời trước khi chôn, cách bố trí mộ ... Người cùng họ dù không biết nhau, dù cách xa bao đời nhưng qua cách trao đổi các đặc trưng trên có thể nhận ra họ của mình.

Ở Hang Kia – Pà Cò ngày nay có các họ: Sùng, Hàng, Mùa, Tràng, Giàng, Khả, Hờ, Phàng. Trong đó, họ Sùng và họ Vàng chiếm số đông. Bên cạnh phong tục tập quán của người Mông, mỗi dòng họ của người Mông cũng có những qui định riêng mà các thành viên trong dòng họ buộc phải tuân theo, đặc biệt trong các nghi lễ và kiêng cử. Nam giới Mông đến tuổi trưởng thành phải biết thực hiện các nghi lễ và kiêng cử này và nó trở thành quy ước, nếp sống trong dòng họ.

Đứng đầu mỗi dòng họ là trưởng họ. Trưởng họ là người có uy tín, nắm vững quy ước, nghi lễ và các kiêng cử, biết cúng tế, được dòng họ tôn trọng, tin nghe. Trưởng họ có nhiệm vụ thờ cúng tổ tiên chung của cả dòng họ cũng như quyết định các việc hệ trọng như cưới xin, nghi lễ tang ma, ...

Mối quan hệ dòng họ ngày nay tuy đã có nhiều biến chuyển song vẫn rất chặt chẽ. Điều đó được thể hiện ở sự tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên trong họ, có sự phân biệt rõ ràng với những người không cùng dòng họ. Lễ cúng ma họ được tổ chức linh đình hàng năm là để khẳng định thêm sự phân biệt rõ ràng giữa các dòng họ. Người Mông tuyệt đối cấm kỵ những người trong cùng dòng họ lấy nhau, nhưng con cô con cậu khác họ vẫn lấy được nhau.

Đồng bào Mông cho rằng những người cùng dòng họ là anh em cùng tổ tiên, có thể đẻ và chết trong nhà nhau, phải luôn luôn giúp đỡ nhau trong cuộc sống, cứu mang nhau trong nguy nan. Đặc biệt khi mỗi khi có các việc hệ trọng như làm nhà, ma chay, cưới xin, ... Lúc này, tính cộng đồng, tính cố kết trong dòng họ được thể hiện rõ hơn lúc nào hết. Khi làm nhà, ai có công góp công, ai có của góp của, đóng góp tùy tâm mà không hề so đo tính toán. Một người trong họ làm nhà thì các gia đình trong họ đó đều có người đến giúp từ san đất làm nền, đến dựng khung lợp mái, đến làm tường nhà. Anh em đến giúp tới lúc nào xây dựng xong mới thôi.

Có thể nói, quan hệ dòng họ là một trong những tập quán tiêu biểu và vẫn còn được duy trì cho đến ngày nay thể hiện bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc Mông.

3.4.3. Quan hệ thôn bản

Bản thường có nhiều họ, trong đó một hoặc hai họ giữ vị trí chủ đạo, có ảnh hưởng chính tới các quan hệ trong bản. Đứng đầu bản là trưởng bản điều chỉnh các quan hệ trong bản, trước kia, cả bằng hình thức phạt vạ lẫn dư luận xã hội. Dân mỗi bản tự nguyện cam kết và tuân thủ quy ước chung của bản về sản xuất, chăn nuôi, bảo vệ rừng và việc giúp đỡ lẫn

nhau. Quan hệ trong bản càng gắn bó chặt chẽ hơn thông qua việc thờ cúng chung thổ thần của bản.

Trong tổ chức xã hội của người Mông, bản chỉ đơn thuần là một đơn vị lãnh thổ hay mối quan hệ cộng cư của người dân chứ ít có mối quan hệ kinh tế hay tôn giáo. Vì vậy mà vai trò của trưởng bản cũng trở nên mờ nhạt, thậm chí không có tiếng nói quyết định như trưởng họ.

3.5. Tập quán tín ngưỡng, lễ hội, tang lễ, và hôn nhân

3.5.1. Tập quán tín ngưỡng, lễ hội

Trong xã hội cổ truyền, người Mông có nhiều tập quán tín ngưỡng, điển hình là tín ngưỡng thờ đa thần, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ ma nhà, ma cửa, ma cột, ... Tín ngưỡng và lễ hội của người Mông có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Tín ngưỡng thờ đa thần: Xưa kia, người Mông tin rằng có một lực lượng nào đó chi phối đời sống của họ và con người, vạn vật (hòn đá, cây cối, con vật) đều có phần xác và phần hồn, phần hồn này sẽ được các thần linh điều khiển. Do đó, người Mông tin và thờ tất cả các loại linh hồn (ma). Khi có người ốm, muốn người nhà khỏi bệnh thì phải làm lễ gọi hồn, muốn cho mưa thuận gió hòa thì phải cầu khẩn trời đất, ... Các tín ngưỡng này vẫn còn phổ biến cho đến ngày nay.

Thờ cúng tổ tiên: là tín ngưỡng truyền thống được người Mông rất coi trọng, bởi họ tin rằng con người khi chết chỉ chết về phần xác, còn phần hồn sẽ được đoàn tụ với thế giới tổ tiên. Ma tổ tiên sẽ phù hộ cho những người sống. Việc thờ cúng tổ tiên phải chu đáo nếu không sẽ bị trừng phạt. Người Mông làm lễ cúng tổ tiên mỗi năm một lần vào dịp tết cổ truyền. Tuy nhiên, khi có việc hệ trọng khác như tang ma, cưới xin, ốm đau, sinh đẻ, cúng cơm mới, ... thì người chủ lễ vẫn gọi tổ tiên về dự. Bên cạnh việc thờ cúng ma tổ tiên, người Mông thờ các loại: ma nhà, thần linh (cúng vào dịp năm mới), ma cửa (có nhiệm vụ canh gác không cho ma ác vào làm hại người nhà, bảo vệ linh hồn của các thành viên trong nhà và bảo vệ gia súc, của cải trong nhà), ma cột chính (là nơi linh thiêng tập trung hồn của những người đang sống, liên quan đến sự sinh tử của các thành viên trong nhà) ...

Tết cổ truyền của người Mông: Đồng bào Mông ăn tết cổ truyền theo lịch riêng của mình, theo nhận định của các nhà nghiên cứu, có lẽ họ tiếp thu cách tính lịch của dân tộc Di (Trung Quốc). Tết Mông rơi vào cuối tháng một, đầu tháng chạp âm lịch. Tuy nhiên, ngày nay đa số các vùng người Mông đã ăn Tết Nguyên Đán như người Kinh, có một bộ phận nhỏ vẫn duy trì song song Tết theo hệ lịch riêng của họ. Đây được coi là một trong những nét đẹp văn hoá riêng có của đồng bào Mông, trong đó có Tết cổ truyền của người Mông ở Hang Kia-Pà Cò.

Tết thường kéo dài trong nhiều ngày với nhiều sinh hoạt cộng đồng ... Trong ngày Tết, bên cạnh nghi lễ tín ngưỡng còn có nhiều trò chơi dân gian quen thuộc như chơi cù, ném pao, bắn nỏ, đua ngựa, múa khèn ...

Người Mông ở Hang Kia-Pà Cò đón Tết vào ngày 30/11 âm lịch hàng năm (trước Tết cổ truyền của người Kinh một tháng) và ăn trong 3 ngày. Mỗi độ xuân về, người dân tộc Mông dù làm ăn ở xa cũng nhớ ngày Tết cổ truyền này mà về thắp hương tổ tiên, mong các cụ phù hộ cho gia đình luôn mạnh khỏe, làm ăn phát tài. Chỉ có chủ nhà mới được thờ cúng tổ tiên, và cũng chỉ cúng vào dịp năm mới, tết cơm mới hay cúng để chữa bệnh tật. Công việc chuẩn bị đón Tết của người Mông cũng giống người Kinh, họ chuẩn bị cho Tết

vào trước ngày 30/11 âm lịch, sửa sang, thay mới ban thờ và làm bánh dày (thay vì người Kinh làm bánh chưng). Ban thờ của người Mông độc đáo và mang đậm bản sắc dân tộc, thể hiện nét độc đáo, giản dị như cuộc sống của họ. Bàn thờ của các gia đình kiêng không được lau bằng giẻ, không được rửa bằng nước, cũng không được quét dọn bằng chổi chít, chổi lông; mà chỉ được quét bằng chiếc chổi tre 3 ngọn, do người già tự tay chặt về từ một đỉnh núi hướng đông. Trên bức vách phía sau bàn thờ (thường bố trí ở gian đối diện với cửa chính), đồng bào dán các họa tiết cách điệu hình nhân và hình các giống gia súc, sơn cầm, bằng giấy dó, do các thầy cúng cắt vẽ một cách đơn giản. Người Mông tự làm lấy hương để thắp và chỉ làm một loại hương cây, dáng thẳng, không thơm lắm nhưng cháy lâu vì nén rất to.



Hình 6: Bàn thờ của người Mông.

Bàn thờ để chính giữa hướng đường, chỉ với một tờ giấy trắng tự làm ra, dán lên tường cùng các hình thù trang trí, biểu tượng cho sức khỏe. Mỗi lần thắp hương cúng tổ tiên, người Mông đem bàn gỗ ra để các vật thờ lên trên đó, ngoài con gà, 2 chiếc bánh dày và một ít hoa quả, họ còn thờ cái cuốc, xẻng, rìu, súng săn chuột... (những vật dụng giúp họ trong sản xuất, săn bắn). Người Mông quan niệm những vật dụng đó cũng như con người, cũng phải để nó nghỉ, có vậy năm sau nó mới có sức khỏe để cày, bừa, săn nhiều chuột, giúp con người khỏi bị đói rét. Ngoài ra, người Mông còn thờ 2 bếp chính, thắp hương liên tục 3 ngày để thần bếp giúp họ luôn giữ ngọn lửa, xua đuổi tà ma và thú dữ. Những vật dụng dùng để thờ thường là những thứ mà chính tay người Mông làm ra... Trong dịp Tết cổ truyền, người Mông luôn thờ ma nhà và những vật dụng giúp họ sinh sống, phát triển. Người Mông cúng Tết trong 3 ngày. Trong 03 ngày Tết này, người Mông có một số kiêng kị như kiêng ăn rau, kiêng ngủ ban ngày. Vì họ quan niệm rằng nếu ăn rau ngày này thì cỏ sẽ mọc quanh năm đầy nương rẫy, nếu ngủ ban ngày thì hạt thóc, hạt ngô cũng sẽ “ngủ” mãi trong đất không nảy mầm được. Ngày nay, những kiêng kị này đã không còn quá khắt khe, chỉ còn kiêng ăn rau trong hai ngày đầu.

Người Mông không đón giao thừa. Đối với họ, tiếng gà gáy đầu tiên của sáng sớm mừng Một mới là cái mốc đánh dấu một năm mới bắt đầu. Tối hoặc nửa đêm 30, người ta cúng ma nhà (tổ tiên) bằng một con lợn sống, một con gà còn sống (và phải là gà trống, mà tốt nhất là gà trống tơ). Sau đó mới mang lợn và gà ấy đi giết thịt (nhà nào giàu có thì thịt một con lợn từ 28, 29 để ăn trước). Thịt xong đem cúng một mâm thịt chín, rồi ăn cơm uống rượu đến khi nghe thấy tiếng gà gáy đầu tiên.

Ngày mông 1 tết cúng toàn thịt gà và lẽ đương nhiên là ăn cũng ăn toàn thịt gà: thịt gà luộc, thịt gà rán, thịt gà kho nhạt... Người Mông thích ăn tiết canh gà, đánh lẫn với mắc khén. Ở vùng sản thảo quả thì cho thêm thảo quả. Để có được một ngày tết thịt gà thế này, ít nhất 6 tháng trước đồng bào đã phải chọn những chú gà trống đẹp mã, giống to để thiến. Gia đình có điều kiện thì cho những con gà ấy được hưởng một chế độ dinh dưỡng riêng, ngô hạt ăn suốt ngày, ăn no lại bay lên máng ngựa nằm ngủ. Đến tết có con nặng tới 5kg, mỡ vàng như nghệ đựng đầy trong ổ bụng.

Ngày mùng 2 là ngày tết thịt lợn. Mâm cúng của mỗi gia đình đều phải có một thủ lợn, do vậy gia đình nào cũng phải mổ tối thiểu một con. Lợn thịt xong, những chỗ nhiều mỡ được pha thành từng khô dọc, xát muối bên ngoài, sau đó đem treo lên gác bếp hoặc dìm trong chum mỡ nước để ra giềng ăn dần, hàng tháng sau mới hết. Còn những chỗ nạc được thái nhỏ, xào nhạt, đầy ắp một chảo lớn. Tất cả các bộ phận trong phủ tạng lợn cũng được thái nhỏ, xào lẫn lợn ở một chảo khác. Chảo lòng xào suốt ngày đặt trên bếp, đun nhỏ lửa, ăn chưa voi đã múc, bát lúc nào cũng đầy, nhiệt lúc nào cũng nóng. Người Mông không nhồi lòng lợn, không luộc dạ dày, không chế biến tim cật theo cách của các dân tộc khác. Tiết canh lợn cũng được chia làm 2 loại: một loại bình thường cho phụ nữ và trẻ nhỏ, một loại “đặc biệt” để cánh mày râu nhấm nháp lúc đưa cay. Loại “đặc biệt” nhân thịt được trộn lẫn với ớt tươi nướng, băm nhỏ, người không quen vừa ăn vừa giàn giụa nước mắt, cay lên tận óc.

Sang ngày mùng 3 thì trên mâm cơm tết của người Mông đã bắt đầu xuất hiện các món ăn thuộc hệ thực vật. Rau, đậu, củ, quả ... được mua dự trữ từ mấy hôm trước ở các chợ trung tâm vùng thấp, nhưng cũng có thứ do bà con tự trồng hoặc kiếm ở trên rừng. Suốt 3 ngày tết (tức các ngày mùng 1, 2, 3 tháng Chạp âm lịch), người Mông duy trì liên tục ngọn lửa ở trong bếp. Theo quan niệm của bà con chỉ làm như vậy thì sang năm thời tiết mới thuận hòa, mùa màng mới tươi tốt, đời sống mới ấm no ...

Tuy nhiên, cơm cúng có thể thiếu thịt (đối với những nhà nghèo) nhưng không thể thiếu món bánh dày. Gạo nếp nung được đồ lên rồi đổ ra một chiếc máng lớn, sau đó, các chàng trai khỏe mạnh sẽ thay nhau giã tới khi xôi nhuyễn ra, kết lại thành một khối, sờ không thấy dính tay là được. Bánh nhất thiết phải được giã và nặn trong ngày cuối cùng của năm, không ai để sang năm mới. Chính vì vậy, trong lễ hội thì thi giã bánh dày bao giờ cũng rất vui và được thi đầu tiên.

Tùy thuộc vào mỗi xóm, bản, người Mông lại tổ chức thi giã bánh dày. Cơm nếp được nấu sẵn và mang đến, sau khi nghe hiệu lệnh, cơm được đổ ra cối và lập tức được giã nhanh chóng, vì giã lúc nóng thì bánh sẽ dẻo. Mỗi đội được giã trong vòng 50 phút, thành phẩm là 5 chiếc bánh đường kính 20cm, bánh phải trắng, dẻo, và kéo dài 30 cm không bị đứt. Cộng với điểm thời gian và trình bày sẽ quyết định đội thắng cuộc. Nhà nào làm được bánh dày vừa dẻo, vừa thơm, lại đẹp thì sẽ được thưởng. Phần thưởng có khi chỉ là những tiếng vỗ tay, hoặc chính mâm bánh dày đó, nhưng quý nhất vẫn là phần thưởng được mọi người bình bầu là gia đình khéo tay.

Từ mùng 1 trở đi họ mặc quần áo mới, đi hái đi chơi. Làng trên, xóm dưới cùng nhau giao lưu các trò chơi truyền thống. Ngày tết, những cô gái đã có chồng, những chàng trai đã có vợ đều được tự do đi chơi cùng bạn bè.

Người Mông chỉ ăn tết 3 ngày nhưng thanh niên chơi tết thì có nơi tới hơn 1 tháng. Ném papao là một trong những trò chơi ngày Tết mà người Mông rất thích; ngoài ra còn múa khèn, múa ô, chơi cầu lông gà, hát ống, hát dân ca, đua ngựa, bắn nỏ ...

Đặc biệt, nói đến Tết của người Mông không thể không nói đến một lễ hội gọi là hội Sải Sán hay Gầu tào (hội cầu phúc). Một gia đình trong làng, nếu hay đau ốm hay chậm có con thì mùng 2 đi dựng một cây nêu lớn ở bãi cỏ đầu làng. Hội này tiếng là do một gia đình tổ chức (gia đình đó gọi là chủ nêu) nhưng thật ra đó là một lễ hội của cộng đồng, thậm chí khi làng này dựng nêu, làng khác cũng đến dự hội. Hội Gầu tào nhằm tạ ơn tổ

tiên về mùa màng, súc vật; cầu cho con cháu đông đàn. Hội có thể kéo dài 3 ngày nếu 1 năm tổ chức một lần hoặc 9 ngày nếu 3 năm tổ chức một lần. Đây là lễ hội lớn nhất của người Mông trong năm và nó thể hiện rõ nhất những đặc trưng văn hoá Mông trong ngày Tết.

Tết của người Mông cũng là dịp để các đôi trai, gái tìm hiểu nhau. Từ sáng sớm họ chuẩn bị quần áo mới, đến đúng 7 giờ sáng, tập trung tại một địa điểm rộng để chơi trò ném quả vải (đây là quả tự tay họ làm ra bằng vải sợi), chàng trai ném quả vải về hướng cô gái mà mình thích, nếu cô gái đó thích thì bắt lấy, coi như đó là sự đồng ý. Ngược lại, nếu cô gái nào yêu một chàng trai thì cũng làm như vậy. Trò chơi ném quả vải diễn ra trong 10 ngày liên tiếp, lúc nào mệt, đói thì nghỉ. Đến tối, họ lại tập trung chơi trò ném quả lông, y như trò chơi ném quả vải, 2 trò này giống nhau về cách chơi, chỉ thay đổi vật để ném. Nhiều đôi trai, gái trong bản lên duyên vợ chồng cũng nhờ vào Tết cổ truyền và những trò chơi mang đậm bản sắc dân tộc.

Người Mông rất mến khách, họ quan niệm nếu Tết có khách lạ đến chơi thì cả năm đó họ gặp may mắn, nên đón tiếp rất chu đáo, mời ăn, mời rượu và mời ngủ tại nhà. Trước khi khách ra về người Mông còn mừng tuổi cho 2 chiếc bánh dày tự tay họ làm ra.

Sau dịp lễ Tết, đồng bào Mông lại bắt tay vào một mùa nương mới bận rộn. Tết cổ truyền của người Mông là truyền thống văn hóa tốt đẹp được duy trì đều đặn hàng năm.

Tết mừng cơm mới của người Mông: Tết cơm mới của người Mông ở Hang Kia - Pà Cò vẫn còn được duy trì nhưng không phổ biến nữa. Tết cơm mới thường diễn ra khoảng tháng 9 âm lịch khi lúa nương đến thời điểm thu hoạch, đây là dịp để con cháu dâng cơm mới cho tổ tiên, thần linh đã phù trợ, giúp đỡ trong sản xuất nông nghiệp.

Lễ cúng cơm mới thường gồm đồ cơm tẻ/cơm xôi mới từ lúa mới được thu hoạch (hoặc nếu thu hoạch ngô thì có ngô luộc), một con gà. Sau khi cúng xong, mọi người cùng nhau ăn uống. Lúc chưa cúng hay đang cúng mọi người có thể ăn, nhưng riêng chủ nhà không được ăn, nếu ăn chủ nhà sẽ ốm đau và mùa màng sẽ thất bát.

Nội dung lễ cúng cơm mới để nhằm báo cáo và biết ơn cho tổ tiên đã giúp đỡ trong sản xuất và để cầu tổ tiên phù hộ cho mùa trồng cấy sắp tới. Lễ cúng này thường được tổ chức trong phạm vi các gia đình, cũng là dịp để mọi thành viên trong gia đình quây quần ẩm cúng sau những ngày đi nương làm rẫy chưa có dịp tụ họp cùng nhau.

3.5.2. Tập quán tang lễ

Lễ tang của người Mông ngày nay, về cơ bản, trình tự và thủ tục vẫn không thay đổi so với trước kia. Tuy nhiên, thời gian đã được rút ngắn và các hủ tục cũng đang được lược bỏ dần.

“Ngày trước, lễ tang ít nhất cũng phải kéo dài đến 05 ngày, nhiều đám kéo dài đến 7-8 ngày. Nhà có bao nhiêu con trai thì tổ chức lễ tang trong bấy nhiêu ngày, thịt bấy nhiêu con trâu (con bò), có 5 con trai thịt 5 con trâu/con bò. Ngày nay, theo quy định của nhà nước, tang lễ thường chỉ kéo dài 48 tiếng, những người trẻ thì khoảng 24 tiếng” (Nam, 70 tuổi, xã Hang Kia).

Lễ tang của người Mông thường được chia thành 04 bước:

- **Bước 1:** Khi có người tắt thở, người thân trong gia đình bắn ba phát súng lên trời báo cho cả làng biết nhà có người mất. Đồng thời thay trang phục cho người mất.
- **Bước 2:** Làm lễ cúng cơm. Thầy cúng có thể là chủ hộ hay người ở hộ khác biết cúng đều được. Các bài mo cúng thường gồm mo lên trời, mo này có ý nghĩa là “báo cáo người chết thì đã chết thật rồi, phải đi gặp tổ tiên, nhờ tổ tiên phù hộ cho con cháu. Người chết phải đi theo các cụ đi trước. Và tổ tiên phải nhận ma mới. Hộ nào phải đi với họ ấy”. Người Mông quan niệm rằng, người chết không phải là đã hết, là đi về trời, là sang một thế giới khác.
- **Bước 3:** Người Mông tiến hành mổ lợn, mổ trâu, mổ bò. Sau khi thịt xong đều phải thổi khèn để giao các con vật này cho người chết. Những người trong làng đến phúng viếng, dự đám tang và ăn uống. Trước kia, lễ tang thường rất tốn kém vì việc ăn uống diễn ra nhiều ngày. Ngày nay, theo quy định của nhà nước, nên hủ tục này cũng bị lược bỏ rất nhiều, thời gian được rút ngắn và chi phí cho ăn uống cũng giảm đi. Suốt những ngày diễn ra lễ tang, việc thổi khèn được duy trì thường xuyên, thường gồm một số bài chính như mo lên trời, mo đưa tiễn ra đồng, bài giao con vật cho người mất ... Còn một số bài khác thổi là để duy trì cho hết ngày.
- **Bước 4:** Tiễn đưa và chôn cất người mất. Sau khi được thay quần áo, người mất được đặt vào quan tài. Quan tài làm bằng gỗ cây rừng, có hình mái nhà, sau khi quan tài được lắp, người Mông dùng rìu đánh dấu phân đầu phân đuôi và lấy chân đạp đổ quan tài, điều này có ý nghĩa để người mất không quay nhiều, làm phiền người sống nữa.

Người Mông dùng một chiếc cáng khiêng người mất đem ra đồng chôn cất. Người Mông quan niệm chiếc cáng này chính là con ngựa đưa tiễn người mất về trời, về với tổ tiên. Vì vậy, việc chôn cất người mất không được chôn vào ngày Ngọ, nếu không gia đình sẽ ốm đau, lụt lội, mùa màng thất bát, gặp nhiều rủi ro.

Người mất được đưa đi cùng với những điệu khèn đưa tiễn với nội dung tương tự các bài mo đưa tiễn người mất về trời.

Có thể nói, lễ tang của người Mông tập tục bao gồm nhiều nghi lễ khác nhau. Người Mông quan niệm thế giới có 3 tầng, tầng trời là thế giới cúng tổ tiên, tầng giữa là thế giới con người, tầng dưới lòng đất là địa ngục, âm phủ. Quan niệm này gần tương tự như nhân sinh quan của dân tộc Mường thể hiện trong áng Mo “Đẻ đất Đẻ nước”. Qua lễ tang, ta nhận thấy có một sự cố kết cộng đồng sâu sắc, thể hiện sự đồng cảm gắn bó giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ và cộng đồng, tình cảm thiết tha giữa thế giới người sống và người đã khuất. Đồng thời cũng thể hiện rõ quan niệm tín ngưỡng, đặc biệt là quan niệm về thế giới của người Mông, rằng người chết chưa phải là đã hết, mà là họ đi sang một thế giới khác, đi về mừng trời, về với tổ tiên mà thôi.

3.4.3. Tập quán hôn nhân

Lễ cưới của người Mông ở Hang Kia - Pà Cò thường gồm các bước như sau:

- **Bước 1: Kéo dâu** (còn gọi là cướp vợ). Khi chàng trai và cô gái có tình cảm với nhau, chàng trai về nhà bàn chuyện với bố mẹ và anh em trong gia đình để lập kế hoạch kéo dâu. Việc này nhà gái không hề biết. Hàng ngày, cô gái vẫn đi lấy củi, đun nước, làm nương. Rồi một ngày, như đã hẹn chàng trai xuất hiện ở nhà gái. Theo kế hoạch, đang lúc tâm sự thì anh em, bạn bè của chàng trai đến giúp anh kéo cô gái về

nhà. Có những chàng trai phải cùng anh em, bạn bè 5-7 lượt mới kéo được cô gái về. Đối với một số trường hợp trước kia, các cô gái còn bị bắt về ngay cả trong lúc đang lấy củi, đang đun nước hay đi làm nương. Thậm chí chưa hề quen biết chàng trai, miễn là chàng trai thấy có tình cảm với cô gái hoặc cha mẹ chàng trai nếu thấy ưng cô gái, cô gái đó có thể hơn con trai mình rất nhiều tuổi, có trường hợp cô gái 14 tuổi, chàng trai mới chỉ 5 tuổi, bố mẹ chàng trai đã sang nhà gái để xin ý kiến và tổ chức cưới cho con mình.

Sau khi mang được người yêu về nhà, gia đình nhà trai mổ gà để làm lễ quét phép. Đồng thời gia đình nhà trai mời một người hàng xóm sang ăn cơm để chứng kiến việc kéo vợ và ngày hôm sau, người hàng xóm này mang 1 chai rượu, một đôi gà đến thông báo cho nhà gái biết rằng con gái nhà mình đã đi với chàng trai đó.

Sau 3 ngày từ khi cô gái được kéo về ở nhà chàng trai, nếu cô gái không đồng ý, cô sẽ mời chàng trai uống 1 bát rượu, còn cô uống 1 bát để cảm ơn chàng trai đã yêu thương mình và xin được làm bạn. Trong trường hợp cô gái đồng ý làm vợ thì gia đình chàng trai sẽ chuẩn bị những thứ tiếp theo cho việc cưới xin.

Trong 3 ngày này, cô gái cùng với sự hỗ trợ của chị em phụ nữ và hàng xóm, bạn bè của chàng trai, phải may xong một bộ váy để mặc trong ngày cưới. Trong ngày này, cô gái không được đi ra khỏi nhà, không được sang nhà hàng xóm.

- **Bước 2: Lễ ăn hỏi.** Cô gái sau khi ở nhà trai 3 ngày cùng đi nương, sinh hoạt với gia đình, cô đã đồng ý nhận lời lấy chàng trai làm chồng. Sau đó bố mẹ chồng nhờ một người đàn ông đi làm mối cho con mình. “Tua lênh xa” (người làm mối) sang nhà cô gái với mục đích hỏi nhà gái cần những thứ gì cho lễ ăn hỏi và lễ cưới. Trong lễ ăn hỏi, chủ hôn là chú của chàng trai cùng với các chàng trai trong bản (tất cả là 8 người) mang các lễ vật đã thỏa thuận trước giữa người làm mối và nhà gái. Trong lễ vật bắt buộc phải có một con gà trống, 1 chai rượu và chỉ màu. Lễ xin định ngày cưới (Nu hâu ché) có nghĩa là nói lời khi gia đình nhà Sùng đã chọn được ngày lành tháng tốt, trưởng họ sang nhà gái thỏa thuận định ngày cưới và lễ vật trong ngày cưới. Sau 1 tuần lễ cưới chính thức được tổ chức.

Trước đây, hôn nhân của người Mông thường mang tính “mua bán”, thông qua việc thách cưới của nhà gái, các chàng trai để lấy được vợ phải tốn 120kg thịt lợn, 120 bát rượu, 20kg gạo và nhiều lễ vật khác.

- **Bước 3: Lễ cưới.** Lễ cưới chính thức (Si chin hâu ché), nhà chàng trai mang lễ vật sang nhà gái từ chiều hôm trước. Lễ dẫn cưới gồm có một khoản tiền, 60kg thịt lợn, 60 bát rượu, gạo... trong đó gà trống là lễ vật quan trọng nhất. Lễ đón dâu được tổ chức vào sáng hôm sau. Cô dâu mặc áo màu đỏ, váy hoa, đầu quấn khăn xanh. Lễ cưới diễn ra trong những cuộc mời rượu, đối đáp giữa các thanh niên, thiếu nữ. Sau đó cô dâu làm lễ cúng tổ tiên, ma nhà, ma cửa... để về nhà chồng. Khi về nhà chồng, gia đình nhà chồng bày một mâm cơm cúng tổ tiên để ra mắt con dâu.

Ngày nay, trong lễ cưới, người Mông ở Hang Kia - Pà Cò vẫn giữ được nhiều phong tục độc đáo, đặc sắc. Các bước và trình tự trong lễ cưới về cơ bản vẫn không thay đổi. Tục kéo vợ vẫn được duy trì. Tuy nhiên, trai gái người Mông được tự do tìm hiểu và tự quyết định hôn nhân của mình. Nếu ưng thuận, họ sẽ về báo cáo với bố mẹ, dòng họ. Khi đó nhà

trai sẽ mời ông mối sang đánh tiếng dạm hỏi. Nếu nhà gái ưng thuận, hai bên sẽ định ngày tốt rồi tiến hành lễ ăn hỏi (hẹn cưới) sau đó là lễ cưới (đón dâu).

Qua nghiên cứu cũng cho thấy, nạn tảo hôn trở nên rất phổ biến ở người Mông, tỷ lệ này chiếm tới 95%. Nam giới kết hôn hầu hết ở độ tuổi 16-17 (chiếm 90%). Đây là cũng là độ tuổi các em vừa học hết cấp 2. Có nhiều em vừa tiếp tục học vừa lập gia đình, vừa sinh con còn một số em sau khi lập gia đình thì nghỉ học để ở nhà làm nương rẫy. Nữ giới kết hôn ở độ tuổi 14-15-16 (chiếm 95%).



Hình 7: Em nhỏ 16 tuổi đang đi con (xã Hang Kia).

“Em đang học lớp 12. Em lấy vợ cách đây 02 năm rồi, có một con nhỏ. Em sẽ tiếp tục học xong lớp 12, sau đó thi sư phạm để làm thầy giáo” (Nam, 18 tuổi, xã Pà Cò).

Khi được hỏi, có người cho rằng: *“Nếu mình không lấy vợ sớm thì sẽ không lấy được con gái đẹp, người khác sẽ lấy hết. Vì con gái ở trên làng mình không đi học, hoặc chỉ học hết cấp 1, rồi ở nhà làm nương, nên cũng phải lập gia đình rất sớm, nếu không cưới sớm thì sẽ không lấy được chồng. Ở làng mình, có một số chị 20 tuổi không lấy được chồng nữa, hoặc có người nào mất vợ thì mới lấy đến. Chỉ có những người tiếp tục đi học để có nghề nghiệp ổn định thì lập gia đình lúc nào cũng được, không lo ế vợ ế chồng. Còn hầu hết phụ nữ ở đây đi làm nương, họ không lấy chồng thì cũng sẽ lo bị ế” (Nam, 30 tuổi, Hang Kia).*

Có những em (gồm cả nam lẫn nữ) 12 tuổi đã lập gia đình. Đây là độ tuổi mà tâm sinh lý của các em còn rất non nớt, chưa phát triển toàn diện. *“Có những em lập gia đình, không biết gì chuyện chăn gối cả, cứ nằm trơ trơ như khúc gỗ vậy. Cha mẹ còn phải dạy họ cách chăn gối” (Nam, 40 tuổi, xã Pà Cò).* Vì vậy, dễ dàng để nhận ra rằng việc tảo hôn ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của các em và sức khỏe sinh sản nói riêng.

Tảo hôn đi đôi với việc không đăng ký kết hôn, vì đây là hoạt động pháp luật không cho phép. Nhưng giải pháp để ngăn tình trạng này là một bài toán khó. Thậm chí, những năm gần đây, độ tuổi kết hôn của người Mông ở Hang Kia-Pà Cò lại ít hơn so với trước kia. Độ tuổi kết hôn trung bình của người Mông trước năm 1993 khoảng 17 tuổi đối với nam và 16.5 tuổi đối với nữ, hiện nay tỷ lệ này vào khoảng 16,5 tuổi đối với nam và 16 tuổi đối với nữ. Giải thích về hiện tượng này, có người được hỏi cho rằng:

“Bây giờ con gái Mông hình như cũng ít đi, đặc biệt là con gái đẹp, nếu mình không lấy thì cũng sẽ ế” (Nam, 35 tuổi, xã Hang Kia).

Về không gian kết hôn, không có sự khác biệt nhiều giữa các thế hệ. Hầu hết người Mông đều lấy người Mông, có thể là người cùng thôn cùng bản, hoặc người ở huyện Mộc Châu (tỉnh Sơn La), nơi địa bàn tiếp giáp với 02 xã Hang Kia, Pà Cò. Trai gái có thể quen nhau khi làm nương làm rẫy cùng nhau, trai người Mông ở Hang Kia - Pà Cò đi nương đi rẫy ở các thôn bản láng giềng Mộc Châu gặp các cô gái rồi kết bạn từ đó. Hoặc thông thường trai gái quen nhau rồi nảy sinh tình cảm qua các lễ hội của người Mông mỗi khi xuân về Tết đến, và đây cũng là thời điểm cưới xin của họ, tức sau khi thu hoạch mùa màng, chính là lúc nhàn rỗi, người Mông tổ chức lễ hội đón xuân và làm lễ cưới cho các đôi trai gái yêu nhau.

Có thể nhận thấy rằng, cùng với sự phát triển kinh tế-xã hội, hầu như các gia đình người Mông đều có xe máy làm phương tiện đi lại. Điều này giúp rút ngắn khoảng cách, làm cho không gian kết hôn không ngừng được mở rộng từ làng sang xã, từ xã đến huyện, rồi đến tỉnh. Các chàng trai Hang Kia - Pà Cò thường đi bằng xe máy đến các lễ hội của người Mông ở Mộc Châu (huyện “láng giềng” thuộc tỉnh Sơn La) để giao lưu và tìm bạn gái. Bảng 4 cho thấy những người trẻ tuổi hơn có phạm vi kết hôn rộng hơn, có tới 52.2% những người trong độ tuổi 18-30 lấy người khác tỉnh (chủ yếu là lấy người thuộc huyện Mộc Châu, địa bàn tiếp giáp với Hang Kia - Pà Cò), trong khi đó chỉ có 31% số người được hỏi trong độ tuổi 50 trở lên lập gia đình với người tỉnh khác.

Bảng 4: Phạm vi không gian kết hôn của người Mông

| Không gian kết hôn | Nhóm tuổi từ 50 trở lên (%) | Nhóm tuổi từ 31-49(%) | Nhóm tuổi từ 18-30 (%) |
|----------------------------|-----------------------------|-----------------------|------------------------|
| Cùng làng (bản, thôn) | 51,7 | 50,0 | 25,2 |
| Làng bên cạnh (cùng huyện) | 10,3 | 8,3 | 13,5 |
| Cùng tỉnh | 6,9 | 3,3 | 9,0 |
| Khác tỉnh | 31,0 | 38,3 | 52,2 |
| % Tổng | 100,0 | 100,0 | 100,0 |

Sự mở rộng phạm vi không gian kết hôn không chỉ phù hợp với quy luật phát triển tất yếu của đời sống kinh tế - xã hội mà còn phản ánh sự tăng cường giao lưu giữa các khu vực cư trú và sự thay đổi dần quan niệm hôn nhân của đồng bào Mông. Có một số người Mông đã kết hôn với dân tộc khác như Thái, Dao,... Tuy nhiên, chỉ con trai người Mông mới lấy con gái dân tộc khác, còn con gái Mông không dám lấy con trai dân tộc khác. Những người cùng họ thì không được lấy nhau, dù có cách bao nhiêu đời đi chăng nữa.

“Con gái người Mông chỉ lấy con trai người Mông, không lấy dân tộc khác. Nếu lấy cũng được nhưng không dám lấy. Do con gái không biết chữ và không biết ngôn ngữ dân tộc khác, và họ cũng không dám lấy người Mông ở các tỉnh xa như Yên Bái, Hà Giang, Lào Cai, ... vì không biết chữ nhiều và không hiểu nhiều về người ta. Ngôn ngữ của người Mông ở Pà Cò cũng có khác chút ít với người Mông ở các tỉnh này. Nên phụ nữ Mông có tâm lý thích lấy người cùng tỉnh hơn, hoặc ở huyện gần đây như Mộc Châu và phải là người Mông” (Nữ, 26 tuổi, xã Pà Cò).

Việc mặc trang phục truyền thống trong ngày cưới là nét đẹp văn hóa vẫn được duy trì phổ biến ở các làng bản người Mông ngày ngày nay. Không kể là cô dâu, chú rể người Mông mặc trang phục này mà tất cả những người Mông đến dự lễ cưới đều mặc trang phục truyền thống như là một sự khẳng định bản sắc riêng có của dân tộc Mông.

Có thể nói rằng, hôn nhân của người Mông này ngày đã khác trước ít nhiều, song về cơ bản vẫn được duy trì, từ trình tự, thủ tục cưới xin đến trang phục truyền thống, và đặc biệt trong quan niệm hôn nhân. Có những quan niệm hôn nhân đã trở thành cổ hủ, ví dụ như nạn tảo hôn là một điển hình và vẫn còn được duy trì rất phổ biến.

Phần IV. Nguyên nhân biến đổi văn hóa và thách thức

Sự phát triển, biến đổi là quy luật của bất kỳ một sự kiện, hiện tượng nào. Văn hóa cũng không nằm ngoài quy luật chung đó, quá trình này trong thuật ngữ chuyên ngành gọi là “tiếp biến văn hóa”. Trong quá trình tiếp biến văn hóa, có những nền văn hóa đã thanh lọc để giữ lại được bản sắc văn hóa, đồng thời tiếp thu tinh hoa của các nền văn hóa khác để làm phong phú thêm nền văn hóa của dân tộc mình, tạo nên tính đa dạng văn hóa. Nhưng cũng chính trong quá trình thanh lọc ấy, những yếu tố lạc hậu, phong tục tập quán lỗi thời không để gì bị loại bỏ, đồng thời là sự du nhập của các yếu tố “phản văn hóa” đã cản trở làm ảnh hưởng tiêu cực tới việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc. Trong phần này, chúng tôi thảo luận một số nguyên nhân và những khó khăn, thách thức cơ bản đối với việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa cộng đồng người Mông ở hai xã Hang Kia và Pà Cò.

4.1. Nguyên nhân biến đổi văn hóa dân tộc Mông

Sự biến đổi văn hóa dân tộc Mông ở Hang Kia – Pà Cò có thể được lý giải bởi một số nguyên nhân như:

4.1.1. Chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đổi mới

Trong thời kỳ Đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt chú trọng hướng mục tiêu phát triển kinh tế ở vùng miền núi, đặc biệt là các vùng đặc biệt khó khăn. Từ những năm 1995 trở lại đây, chương trình xóa đói giảm nghèo, phát triển hạ tầng cơ sở được đồng loạt tiến hành trên hầu hết các địa bàn miền núi, trong đó có xã Hang Kia, Pà Cò. Các chương trình này đã làm cơ sở hạ tầng thay đổi rất nhiều ở nông thôn miền núi nói chung, ở các địa bàn nghiên cứu nói riêng. Sự thay đổi hạ tầng cơ sở như đường giao thông tốt hơn tạo thuận lợi cho hoạt động giao lưu, buôn bán giữa người dân trên cùng địa bàn cũng như với những người ở các địa phương khác;

Việc người dân được dùng điện cũng đã tác động quan trọng về sự thay đổi đối với nhận thức, khả năng tiếp nhận cách thức lao động mới, sử dụng công cụ sản xuất phù hợp hơn và sử dụng các tiện nghi sinh hoạt hiện đại hơn. Thêm vào đó, Nhà nước tích cực triển khai các chương trình khuyến nông với việc hỗ trợ giống, kỹ thuật, có cán bộ khuyến nông hướng dẫn kỹ thuật tận địa phương cũng dễ dàng làm thay đổi những tập quán sản xuất cũ lỗi thời, lạc hậu, năng suất thấp.

4.1.2. Sự phát triển của lực lượng sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống

Sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật là một trong những động lực chính của sự phát triển, việc ứng dụng rộng rãi khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất và đời sống đã làm thay đổi dần tập quán canh tác cũng như các loại công cụ lao động mới, con người ngày càng làm chủ được thiên nhiên, làm thay đổi tập quán sinh hoạt thường nhật, thay đổi cách làm nhà ở, đặc biệt là thay đổi về tập quán tín ngưỡng, lễ hội. Quan trọng hơn, chính người đồng bào cũng tự nhận thấy các tiến bộ này đã làm cho đời sống của họ ngày càng ổn định, nên đã tự giác tiếp nhận và nhân rộng ở cộng đồng. Sự thay đổi này theo hướng ngày càng hiện đại hóa, lược bỏ bớt những hủ tục lạc hậu, lễ nghi rườm rà, rút ngắn thời gian.

4.1.3. Đặc thù về ngôn ngữ

Ngôn ngữ chữ viết là yếu tố quan trọng giúp bảo tồn nền văn hóa. Do không có chữ viết, một số nét đẹp của văn hóa truyền thống của người Mông đã và đang có nguy cơ mai một, không còn được lưu truyền nữa.

4.1.4. Sự tăng cường giao lưu hội nhập giữa các nền văn hóa

Là địa bàn tụ cư của dân tộc Mông, một dân tộc với nhiều nét độc đáo khác biệt, Hang Kia – Pà Cò đã và đang thu hút du khách khắp nơi trong và ngoài nước. Chợ Pà Cò được xây dựng từ năm 2000 là nơi người Mông đến mua bán nhu yếu phẩm đồng thời cũng nơi thu hút đông đảo các dân tộc khác nhau đến trao đổi mua bán, tại đây người các dân tộc đã gặp gỡ, trao đổi giao lưu không chỉ hàng hóa mà còn về văn hóa, chính điều này là một trong những nguyên nhân góp phần tạo nên những thay đổi trong tập quán sản xuất, tiêu dùng, tín ngưỡng và lễ hội... Người Mông ngày càng lược bỏ dần những yếu tố mang tính bảo thủ, cổ hủ, lạc hậu trong văn hóa và bổ sung các yếu tố mới làm hiện đại, phong phú thêm nền văn hóa của dân tộc mình.

4.1.5. Tự thân nền văn hóa

Sự biến đổi và phát triển là quy luật chung của bất kỳ sự vật, hiện tượng nào. Bản thân văn hóa là một hình thái ý thức xã hội cũng không nằm ngoài quy luật chung ấy. Văn hóa Mông đã tự loại bỏ đi những yếu tố có tính bảo thủ, lạc hậu, tiếp thu những nét văn hóa hiện đại để làm phong phú thêm bản sắc của dân tộc mình, điều này có thể thấy trong việc thay đổi tập quán sinh hoạt (trong đó có cách làm nhà ở), tập quán tín ngưỡng và lễ hội, ma chay, cưới xin. Ngày nay, người Mông có thêm nhiều tiện nghi hiện đại phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày, các thủ tục cưới xin, ma chay cũng được đơn giản hóa, loại bỏ bớt các thủ tục rườm rà.

4.1.6. Việc nâng cao trình độ dân trí

Ngoài chính sách phát triển kinh - tế xã hội nói chung, việc nâng cao trình độ dân trí cũng góp phần thay đổi nhận thức của người dân để có thể tiếp nhận nhanh chóng các tri thức khoa học - kỹ thuật áp dụng vào sản xuất cũng như việc tiếp nhận các nhân tố văn hóa mới. Các phương tiện truyền thông đại chúng như loa, đài, ti vi, báo... cũng tạo nên động lực lớn cho người dân ở đây học hỏi lẫn nhau, giao lưu giữa các thành viên trong và ngoài cộng đồng.

4.2. Những khó khăn và thách thức đối với bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống

4.2.1. Trình độ học vấn thấp

Trình độ học vấn thấp là một trong những thách thức lớn nhất đối với đồng bào Mông ở Hang Kia – Pà Cò, vì nó ảnh hưởng đến nhận thức về mọi mặt của đồng bào. Đây là yếu tố cản trở trực tiếp đến việc tiếp thu các tri thức khoa học vào đời sống kinh tế sản xuất cũng như các vấn đề xã hội, điển hình là nạn tảo hôn, sinh đẻ nhiều, mê tín dị đoan, thói quen sinh hoạt ăn, ở... Xa hơn nữa, do không ý thức được mức độ nguy hại của tệ nạn ma túy, nên nhiều người đã dính líu đến các hoạt động phi pháp như vận chuyển, buôn bán, tàng trữ ma túy và phải chịu sự xử lý nghiêm minh của luật pháp.

Trình độ học vấn thấp, đặc biệt đối với phụ nữ là một trong những nguyên nhân gây bất bình đẳng giới nghiêm trọng từ đời này sang đời khác đối với người Mông ở hai xã Hang Kia - Pà Cò, nơi mà tiếng nói trong gia đình và cộng đồng chỉ thuộc về nam giới. Sự

nghiệp giải phóng phụ nữ phải bắt đầu từ việc nâng cao trình độ dân trí cho đồng bào và đặc biệt là phụ nữ Mông nói riêng.

4.2.2. Phương thức sản xuất lạc hậu

Sự thống lĩnh lâu đời của phương thức sản xuất tự cung tự cấp, tập quán canh tác lạc hậu lệ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên đã cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội của đồng bào Mông nơi đây, phản ánh ở tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm chạp, tỷ lệ hộ đói nghèo và tốc độ gia tăng dân số cao.

4.2.3. Nguy cơ biến mất của các nghề tiểu thủ công truyền thống và sự du nhập của sản phẩm hàng công nghiệp

Sự thâm nhập của các sản phẩm hàng công nghiệp phong phú về chủng loại, mẫu mã, tiện dụng, lâu bền và giá cả hợp lý trở thành sự lựa chọn thay thế các sản phẩm truyền thống và ngày càng phổ biến đối với người Mông ở Hang Kia – Pà Cò. Điều này đồng nghĩa với các nghề tiểu thủ công truyền thống, tiêu biểu như dệt thổ cẩm, nghề làm giấy bản, đang dần bị mai một. Mặc dù với ưu thế riêng của mình (ví dụ, vải thổ cẩm mặc dễ chịu hơn, quy trình sản xuất giấy bản thủ công truyền thống không làm ô nhiễm môi trường), các nghề này vẫn đang dần biến mất vì hiệu quả kinh tế mang lại không cao, không có đầu ra cho tiêu thụ sản phẩm, lại mất nhiều thời gian và công sức.

4.2.4. Nguy cơ biến mất của các phong tục, lễ nghi truyền thống

Một số phong tục, lễ nghi truyền thống đã và đang có xu hướng mất dần. Sự mai một này phản ánh tính tất yếu của quá trình tiếp biến văn hóa và sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. Cụ thể như tục kéo dâu (cướp vợ trong phong tục hôn nhân của người Mông), khi quan niệm về tự do hôn nhân trở nên phổ biến hơn thì việc “cướp vợ” chỉ còn là mang tính hình thức mà thôi, cơ sở của quan hệ hôn nhân sẽ được dựa trên sự đồng thuận của đôi trai gái thay vì sự sắp đặt của gia đình hay sự gượng ép của chàng trai vốn phổ biến trước kia. Và tất nhiên, cứ theo đà phát triển này, một ngày nào đó, tục cướp vợ khó có thể được duy trì.

Cùng với phong tục hôn nhân, các lễ nghi truyền thống gắn liền với sản xuất nông nghiệp đặc biệt là nghề làm nương rẫy cũng sẽ mất dần khi hoạt động sản xuất của người Mông giảm dần sự phụ thuộc vào thiên nhiên và tăng cường áp dụng khoa học-kỹ thuật, cụ thể như các nghi lễ cúng cơm mới, tín ngưỡng thờ đa thần, thờ bái vật,...

Các hoạt động văn nghệ và các trò chơi dân gian trong lễ hội cũng sẽ giảm dần bởi sự du nhập và thay thế dần của các trò chơi hiện đại, cụ thể như múa khèn, đánh quay, ném còn, và các trò chơi dân gian khác, sẽ dần được thay thế bởi các trò chơi hiện đại như bóng đá, bóng chuyền, “vui chơi có thưởng”, chơi đồ đen, bán các loại hàng tiêu dùng,... Sự thay đổi này là tất yếu và cần thiết trong quá trình giao lưu hội nhập, tuy nhiên, nó cũng cho thấy sự du nhập của các yếu tố “phản văn hóa”, và sự mai một của các hoạt động dân gian truyền thống là điều rất cần được lưu ý nhằm bảo tồn bản sắc văn hóa Mông.

Phần V. Giải pháp bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc

Trên cơ sở khảo sát thực trạng văn hóa dân tộc Mông tại hai xã Hang Kia - Pà Cò và tìm hiểu các nguyên nhân tác động đến sự biến đổi văn hóa dân tộc Mông, để bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mông, đồng thời loại bỏ các hủ tục lạc hậu, chúng tôi đề xuất hai nhóm giải pháp như sau:

5.1. Các giải pháp tổng hợp

5.1.2. Phát triển giáo dục và nguồn nhân lực

Trình độ giáo dục có ảnh hưởng quyết định tới việc tiếp thu tri thức, ứng dụng vào đời sống và sản xuất. Nghiên cứu cho thấy, trình độ dân trí của đồng bào Mông ở đây rất thấp, những người không biết chữ hoặc tái mù chữ sau khi được phổ cập chiếm một tỷ lệ rất cao, đặc biệt là phụ nữ Mông. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức của đồng bào, từ đó cản trở việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống cũng như sự thay đổi nhận thức nhằm xóa bỏ những hủ tục lạc hậu. Việc đưa tiếng Mông vào giảng dạy song song với tiếng phổ thông trong nhà trường là một giải pháp hữu hiệu được đồng bào đồng bào tiếp thu hưởng ứng.

Cần có các biện pháp hiệu quả hơn nhằm nâng cao trình độ dân trí, đặc biệt là đối với phụ nữ Mông. Cụ thể là tích cực vận động phổ cập giáo dục, các lớp xóa mù chữ, có các chính sách hỗ trợ về nhiều mặt và tuyên truyền vận động cha mẹ cho con em mình được đến trường. Nhà nước cần tiếp tục có các chính sách đưa người Mông đi đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, đào tạo giáo viên dân tộc Mông và trở về công tác tại địa bàn.

5.1.2. Nâng cao nhận thức

Cần tích cực đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về mọi mặt cho đồng bào, phổ biến đường lối chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, các chính sách bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và chính sách văn hóa. Đồng thời, loại trừ những hủ tục lạc hậu trong phong tục tập quán của đồng bào. Đặc biệt là đẩy mạnh phổ biến luật hôn nhân – gia đình, nâng cao nhận thức về sức khỏe sinh sản và góp phần giảm tỷ lệ tảo hôn.

5.1.3. Phát triển nền kinh tế

Đây là một trong những điều kiện tiên quyết để bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Vì kinh tế có vững thì mới có điều kiện để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào, mới có điều kiện để nâng cao đời sống văn hóa cho đồng bào, mới có thể tổ chức được các lễ hội thường xuyên hơn và thu hút đồng bào quan tâm tham gia.

5.1.4. Đầu tư phát triển, nâng cấp cơ sở hạ tầng

Do địa hình núi đá vôi, người Mông ở Hang Kia - Pà Cò thiếu nước nghiêm trọng cho sản xuất và sinh hoạt, phát triển hệ thống cấp nước là công việc cần kíp để giúp đồng bào đảm bảo cuộc sống cũng như sản xuất. Việc nâng cấp hệ thống đường liên xã, liên thôn sẽ giúp thúc đẩy quan hệ thông thương, giao lưu buôn bán giữa đồng bào Mông và các dân tộc khác.

Cần tiếp tục đẩy mạnh các chương trình phát triển kinh tế - cơ sở hạ tầng, xóa đói giảm nghèo, phổ biến khoa học kỹ thuật, khuyến công khuyến nông thông qua nhiều phương tiện khác nhau (phổ biến trực tiếp hoặc qua các phương tiện truyền thông; tăng cường cơ

sở vật chất, trang thiết bị hoạt động văn hóa thông tin, phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa thông tin tuyên truyền, đặc biệt là cán bộ dân tộc thiểu số.

5.1.5. Tuyên truyền xây dựng nếp sống văn hóa, xây dựng bản sắc văn hóa và xây dựng gia đình văn hóa

Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị hoạt động văn hóa thông tin, phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa thông tin tuyên truyền, đặc biệt là cán bộ dân tộc thiểu số.

5.1.6. Hiện đại hóa văn hóa dân tộc

Là ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ hiện đại vào cuộc sống vật chất và tinh thần của đồng bào, loại bỏ bớt các hủ tục lạc hậu ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của đồng bào. Hiện đại hóa văn hóa vật chất như ứng dụng các phương tiện kỹ thuật công nghiệp hiện đại để làm nhà theo kiểu truyền thống cho đẹp, chắc chắn và tiện dụng cho sinh hoạt nghỉ ngơi; sử dụng các tiện nghi hiện đại, tiện dụng cho cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, sử dụng thông tin liên lạc để tiết kiệm thời gian, công sức.

5.2. Các giải pháp đặc thù về văn hóa

Cùng với việc vận dụng tổng hợp các biện pháp trên, chúng tôi cũng khuyến nghị các giải pháp cụ thể đối với từng thành tố văn hóa như sau:

5.2.1. Về tập quán và công cụ sản xuất

Như đã phân tích, tập quán sản xuất của đồng bào Mông ở Hang Kia - Pà Cò cho đến nay vẫn rất chậm thay đổi, về cơ bản vẫn duy trì tập quán sản xuất cũ. Đây là nguyên nhân khiến cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở đây gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy, giải pháp để thay đổi tập quán sản xuất cũ là thay đổi cơ cấu giống, cây trồng, vật nuôi phù hợp ở địa phương, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Các biện pháp này tuy không mới nhưng chưa được triển khai tích cực. Việc tăng cường cán bộ khuyến nông để phổ biến hướng dẫn kỹ thuật canh tác và đưa giống mới vào sản xuất là rất cần thiết, đồng thời tăng cường cán bộ thú y trên địa bàn để phổ biến các biện pháp phòng chống dịch bệnh trong chăn nuôi. Song song với đó là các biện pháp tuyên truyền thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, hoặc qua các cuộc họp thôn, dân pa-nô áp phích nhằm tác động thay đổi nhận thức của đồng bào.

Việc hỗ trợ đồng bào vốn trong sản xuất tiến hành song song với việc phổ biến khoa học kỹ thuật là rất cần thiết để cải tiến, đổi mới sản xuất, đồng thời phải có các biện pháp quản lý việc sử dụng nguồn vốn để đảm bảo sử dụng đúng mục đích và đạt hiệu quả cao.

5.2.2. Về nghề tiểu thủ công truyền thống

Khôi phục và phát triển các nghề tiểu thủ công truyền thống là một trong những việc làm cần kíp hiện nay, đặc biệt là nghề dệt thổ cẩm và nghề làm giấy bản. Các sản phẩm này đã và đang được nhiều người ưa chuộng bởi ưu thế đặc biệt của nó mang lại. Tuy nhiên, cần đẩy mạnh ứng dụng khoa học-kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, đồng thời tạo các đầu ra ổn định nhằm đưa tiểu thủ công nghiệp truyền thống trở thành một trong những ngành kinh tế chính mang lại nguồn thu nhập quan trọng cho đồng bào.

5.2.3. Về vấn đề cư trú và nhà ở

Những thay đổi về kiến trúc và chất liệu làm nhà của người Mông phản ánh sự phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế-xã hội và cần được khuyến khích phát huy. Lấy ví dụ như

việc kiên cố hóa nhà ở, cụ thể là lợp nhà bằng mái ngói thay cho gỗ pơ mu, vách được xây kiên cố bằng xi măng và gạch thay cho tường gỗ, nền gạch hoặc xi măng thay cho nền đất, điều này vừa giúp cho ngôi nhà được lâu bền hơn, đồng thời làm giảm nạn chặt phá rừng lấy gỗ để làm nhà (gỗ là nguyên liệu chính để làm ngôi nhà truyền thống trước kia).

Sự thay đổi này không có nghĩa là bản sắc văn hóa dân tộc đang bị mai một, vì nghiên cứu đã cho thấy rõ rằng đồng bào Mông đều muốn duy trì mô hình nhà ở truyền thống của mình. Việc duy trì mô hình nhà ở kiểu truyền thống, đồng thời lại có những thay đổi nhằm thích ứng với yêu cầu của đời sống mới chính là sự khẳng định tư tưởng bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời loại bỏ những yếu tố không còn phù hợp trước yêu cầu của sự phát triển. Vì thế, mô hình nhà ở truyền thống kết hợp với hiện đại cần được khuyến khích phát huy, nhân rộng trong đồng bào Mông ở Hang Kia - Pà Cò.

5.2.4. Trang phục

Dù việc mặc trang y phục truyền thống được đồng bào hết sức coi trọng, là trang phục không thể thiếu được trong các ngày trọng đại như Tết, lễ hội, đám cưới, đám tang và các ngày lễ của người Mông, nhưng những thay đổi trong kiểu cách và chất liệu trang y phục đã và đang phản ánh quá trình tiếp biến văn hóa và sự tác động của giao lưu hội nhập giữa đồng bào Mông ở Hang Kia - Pà Cò với dân tộc Kinh và các dân tộc khác. Trang phục của người Kinh được đồng bào mặc ngày càng nhiều bởi sự tiện dụng của nó, cho thấy những thay đổi này phản ánh sự phù hợp tất yếu với yêu cầu phát triển của đời sống xã hội. Tuy nhiên, chính bởi điều này, việc mặc các trang phục truyền thống dần vẫn còn rất phổ biến nhưng đang có nguy cơ giảm dần trong cộng đồng người Mông. Vì thế, tuyên truyền về ý thức dân tộc qua việc mặc trang phục là điều cần thiết.

5.2.5. Ngôn ngữ

Việc đưa tiếng Mông vào giảng dạy trong nhà trường là một trong các giải pháp hữu hiệu làm cho quá trình tiếp thu tri thức được dễ dàng hơn và mặt khác, ngôn ngữ chữ viết là công cụ đắc lực để bảo tồn bất kỳ một nền văn hóa nào, vì thế việc dạy tiếng Mông còn mang lại những ý nghĩa sâu sắc về mặt xã hội là để bảo tồn bản sắc văn hóa Mông.

5.2.6. Quan hệ gia đình, dòng họ, thôn bản

Nâng cao vai trò, vị thế của người phụ nữ trong gia đình là điều cần kíp trong công tác đấu tranh bình đẳng giới ở đồng bào Mông. Để làm được điều này, cần vận dụng tổng hợp các biện pháp, trong đó có nâng cao dân trí, đặc biệt là cho phụ nữ. Đồng thời thực hiện các biện pháp tuyên truyền thay đổi nhận thức cho đồng bào.

5.2.7. Tập quán tín ngưỡng, ma chay

Tín ngưỡng là vấn đề tâm linh không thể thiếu được trong đời sống cộng đồng người Mông. Tuy nhiên, cần phân biệt rõ tín ngưỡng và mê tín dị đoan để có các biện pháp ứng xử cần thiết, tích cực tuyên truyền đẩy lùi mê tín dị đoan, xóa bỏ các hủ tục lỗi thời, lạc hậu. Ví dụ, khi nhà có người ốm, cần đưa bệnh nhân đến trạm y tế xã, tránh tin vào cúng tế để xua đuổi tà ma với kỳ vọng rằng người bệnh sẽ khỏi bằng cách này. Hoặc đám tang không kéo dài quá lâu, không tổ chức nhiều ngày và chi phí tốn kém.

5.2.8 Lễ hội

Các cơ quan chức năng cần phối hợp đầu tư, khôi phục và tăng cường tổ chức các lễ hội truyền thống, đồng thời kết hợp với các hoạt động văn hóa mới, mang tính hiện đại để thu hút đông đảo cộng đồng tham gia, tham dự; Có các biện pháp lưu ký tài liệu lễ hội dưới dạng chữ viết để có thể lưu truyền bản sắc văn hóa của dân tộc Mông.

Kết luận

Dân tộc Mông là một trong các dân tộc thiểu số có bề dày lịch sử và truyền thống văn hóa mang bản sắc dân tộc đậm nét. Qua các kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, các giá trị văn hóa của dân tộc Mông ở Hang Kia - Pà Cò về cơ bản không có nhiều biến đổi so với bản sắc văn hóa truyền thống. Ngày nay, cùng với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội, sự tăng cường giao lưu kinh tế xã hội giữa các vùng miền, các dân tộc, người Mông qua các thế hệ đã dần dần trải qua sự tiếp biến văn hóa và đã có một số nét đổi khác so với văn hóa truyền thống. Nhưng với đặc thù về mặt địa lý và địa bàn cư trú biệt lập với các vùng và các dân tộc khác, người Mông ở Hang Kia - Pà Cò vẫn giữ được những nét văn hóa đặc trưng riêng có của mình.

Về tập quán sản xuất, nghề làm nương rẫy (đặc biệt là trồng ngô) và chăn nuôi đại gia súc vẫn là hoạt động kinh tế chủ đạo mang lại nguồn thu chính cho đồng bào Mông. Song song với đó là việc duy trì các nghề thủ công truyền thống như thêu dệt thổ cẩm và làm giấy bản. Hoạt động sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của người Mông còn mang nặng tính tự cấp tự túc và phụ thuộc phần lớn vào thiên nhiên, kỹ thuật canh tác và sản xuất chậm cải tiến, còn rất lạc hậu làm cho năng suất sản lượng nông nghiệp không cao.

Về quan hệ gia đình, dòng họ, quan hệ thôn bản, cơ bản vẫn được duy trì như trước. Đó là chế độ gia đình phụ hệ, có sự bất bình đẳng trong phân công lao động gia đình, người phụ nữ thiên về các công việc nội trợ, làm nương rẫy, còn nam giới thiên về các quan hệ giao tiếp cộng đồng. Tuy nhiên, quy mô và hình thức gia đình đã có nhiều thay đổi theo hướng tăng dần mô hình gia đình hạt nhân.

Về tập quán tín ngưỡng, lễ hội cũng như tập quán hôn nhân và ma chay cũng không có thay đổi nhiều so với trước kia. Điều này chứng tỏ văn hóa Mông vẫn còn giữ được nguyên nét bảo thủ của nó, và nó được lý giải bằng kiểu tổ chức quan hệ dòng họ và cộng đồng khép kín đã làm cản trở sự thâm nhập của các của các nền văn hóa khác, vì thế làm chậm quá trình tiếp biến văn hóa của người Mông nơi đây. Đồng thời, chính sự thay đổi chậm chạp của tập quán sản xuất là nguyên nhân quan trọng làm chậm lại quá trình biến đổi của các thành tố văn hóa khác.

Bên cạnh việc duy trì những đặc trưng văn hóa truyền thống ở trên, văn hóa Mông đã có những biến đổi nhất định, sự biến đổi này theo chiều hướng đơn giản hóa, lược bỏ bớt các hủ tục lạc hậu, các thủ rườm rà, hao tốn thời gian và tiền bạc. Sự biến đổi diễn ra theo cả hai chiều hướng tích cực và tiêu cực.

Một mặt, văn hóa Mông tiếp thu những nét độc đáo của các nền văn hóa khác, đặc biệt là dân tộc Thái, Dao và dân tộc Kinh, bổ sung và làm phong phú thêm bản sắc văn hóa truyền thống, đồng thời loại bỏ những phong tục, tập quán, tín ngưỡng lỗi thời, lạc hậu, điển hình như việc rút ngắn thời gian và chi phí cho tổ chức tang lễ, giảm nhẹ các lễ vật thách cưới,... Biểu hiện của sự thay đổi tập quán sản xuất là sự ứng dụng các loại giống mới vào sản xuất như cây mận, cây dong riềng, ngô và từng bước áp dụng các kỹ thuật canh tác tiên tiến mang lại năng suất cao cho đồng bào.

Mặt khác, sự biến đổi của văn hóa Mông cũng đã có những biểu hiện của sự mất dần bản sắc truyền thống, ví dụ Tết cơm mới đã không còn phổ biến, không còn được nhiều người biết đến nữa, đặc biệt là thanh niên.

Có thể nói, văn hóa là phạm trù lịch sử, là một hình thái ý thức xã hội có môi trường phát sinh, có điều kiện phát triển và biến đổi, được quyết định bởi đặc thù của nền kinh tế. Văn hóa truyền thống dân tộc Mông được hình thành, phát triển trong cơ chế tự túc, tự cấp và sản xuất bằng kỹ thuật thủ công. Dưới sự tác động của các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, cách thức sản xuất của người Mông từng bước được cải tiến theo chiều hướng tăng cường giao lưu hội nhập giữa các nền văn hóa, đặc biệt là văn hóa dân tộc Kinh.

Sự biến đổi các giá trị văn hóa của dân tộc Mông chịu tác động tổng hợp của nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chính phải kể đến là sự tác động của các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước cũng như sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Điều này đã giúp cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, gián tiếp từng bước làm thay đổi các giá trị văn hóa.

Tài liệu tham khảo

1. Vũ Quốc Khánh (chủ biên), *Người Mông ở Việt Nam*, NXB Thông tấn, Hà Nội, 2005.
2. Nguyễn Thị Thanh Nga, *Văn hóa truyền thống một số tộc người ở Hòa Bình*, NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2007.
3. Hoàng Xuân Lương, *Văn hóa người Mông ở Nghệ An*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2000.
4. Chu Thái Sơn (chủ biên), *Người Mông*, NXB Trẻ, Hà Nội, 2005.
5. Phạm Mạnh Hà, *Quan niệm về vai trò người vợ, người chồng trong gia đình người Hmông ở Lào Cai*. TC Tâm lí học, số 3, 2006.
6. Vương Duy Quang. *Văn hóa tâm linh của người Hmông ở Việt Nam. Truyền thống và hiện tại*, NXB VH TT, Hà Nội, 2005.
7. UBND huyện Mai Châu, *Thống kê Kinh tế-xã hội huyện Mai Châu*, 2009.
8. UBND huyện Mai Châu, *Thống kê Kinh tế-xã hội xã Hang Kia - Pà Cò*, 2009.
9. Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, 2009.



Báo cáo kỹ thuật này được thực hiện trong khuôn khổ Dự án “Thí điểm tiếp cận thị trường tổng hợp nhằm hỗ trợ công tác bảo tồn thiên nhiên: Nâng cao đời sống cộng đồng vùng đệm để giảm thiểu tác động lên tài nguyên tại Khu bảo tồn thiên nhiên Hang Kia – Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình” do Quỹ Blue Moon (Hoa Kỳ) tài trợ.

Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) là tổ chức phi lợi nhuận hoạt động nhằm bảo vệ môi trường, bảo tồn sự đa dạng và phong phú của thiên nhiên, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương thông qua tìm kiếm, quảng bá, thực hiện các giải pháp bền vững và thân thiện với môi trường.

Thông tin về các chương trình và hoạt động của PanNature xin tham khảo tại website:

www.nature.org.vn